

秘本諸葛神數

BÍ BẢN GIA CÁT THẦN SỐ

I. GIỚI THIỆU

Sách có 384 quẻ dùng để bói. Tương truyền là do Gia Cát Lượng tự là Khổng Minh thời Tam Quốc bên Tàu viết.

II. CÁCH BÓI

1. Khấn vái.

Con lạy Trời, con lạy Đất, con lạy Thánh, con lạy Thần.

Con cúi xin Trời, con cúi xin Đất, con cúi xin Thánh, con cúi xin Thần lai lâm ứng quẻ chỉ dạy.

Con xin hỏi:

Con xin tạ ơn Trời, con xin tạ ơn Đất, con xin tạ ơn Thánh, con xin tạ ơn Thần.

2. Tìm quẻ.

Cách 1:

Người muốn xem quẻ, phải chọn ra ba chữ. Dựa vào số nét của ba chữ đó mà tính ra con số.

Chữ thứ nhất lấy làm hàng trăm, chữ thứ hai lấy làm hàng chục, chữ thứ ba lấy làm hàng đơn vị. Số nét bút chỉ tính từ 1 đến 9. Nếu là 10, 20, 30... thì tính là số 0. Nếu số nét lớn hơn 10 thì trừ cho 10, lớn hơn 20 thì trừ 20... còn lại số lẻ lấy đó.

Lấy con số 384 làm chuẩn. Lớn hơn số này thì trừ cho 384, trừ cho đến lúc nhỏ hơn hoặc bằng 384 là được số quẻ.

Nếu xin được quẻ 000 thì là xin lại lần hai. Lần hai vẫn được quẻ 000 thì hãy tự định đoạt.

Ví dụ chọn ba chữ: 佑 咱 統 (hữu tự thống)

佑 hữu: 7 nét (hàng trăm là 7)

咱 tự: 9 nét (hàng chục là 9)

統 thống: 12 nét trừ đi 10 còn lại 2 (hàng đơn vị là 2)

Thành số: 792 (bảy trăm chín mươi hai)

Lấy 792 trừ 384 còn 408, trừ tiếp cho 384 được 024. Vậy số 024 là số quẻ để bói.

Cách 2:

Chọn 10 tờ giấy giống nhau. Viết lên mỗi tờ một số từ 1 tới 10. Sau đó nháo đều. Bốc lần đầu được số hàng trăm; để số đã bốc được lại rồi nháo, bốc lần hai được số hàng chục; để số đã bốc được lại rồi nháo, bốc lần ba được số hàng đơn vị. Ghép ba số đó lại, nếu nhỏ hơn hoặc bằng 384 thì đó chính là số quẻ, nếu lớn hơn thì đem trừ 384 để tìm số quẻ.

3. Lời quẻ.

001. 天門一樹榜, 預定奪標人, 馬嘶芳草地, 秋高聽鹿鳴.

Thiên môn nhất thụ bảng, dự định đoạt tiêu nhân, mã tê phương thảo địa, thu cao thính lộc minh.
Cửa Trời ngôi vị sẵn, ai kẻ đoạt công đầu, cỏ thơm vang ngựa hí, thu mát vắng hươu kêu.

002. 地有神, 甚威靈, 興邦輔國, 尊主庇民.

Địa hữu Thần, thậm uy linh, hưng bang phụ quốc, tôn Chúa tỵ dân.
Đất có Thần, rất oai linh, phò quốc hưng bang, giúp dân tôn Chúa.

003. 長安花不可及, 春風中馬蹄疾, 急早加鞭, 驟然生色.

Trường An hoa bất khả cập, xuân phong trung mã đề tật, cấp tảo gia tiên, sậu nhiên sinh sắc.
Trường An hoa chẳng kịp nở, trong gió Xuân ngựa chứng hí, mau cho roi vọt để thúc nó, sau được kết quả.

004. 春花嬌媚, 不禁雨打風飄, 秋菊幽芳, 反耐霜雪傲.

Xuân hoa kiều mị, bất cấm vũ đả phong phiêu, thu cúc u phương, phản nại sương tuyết ngạo.

Hoa Xuân yêu kiều, chẳng cấm mưa tuôn gió cuốn, hoa cúc mùa Thu có mùi thơm kín đáo, chịu đựng sương tuyết rơi.

005. 春雷震, 夏風巽, 臥龍起, 猛虎驚, 風雲會合, 救濟蒼生.

Xuân lôi chấn, hạ phong tẫn, ngoạ long khởi, mãnh hổ kinh, phong vân hội hợp, cứu tế thương sinh.
Mùa Xuân có sấm sét, mùa Hạ có gió thổi, rồng nằm bay lên, cọp mạnh kinh sợ, gió mây hội hợp, cứu giúp sinh linh.

006. 非玄非奧, 非淺非深, 一個妙道, 著意搜尋.

Phi huyền phi áo, phi thiển phi thâm, nhất cá diệu đạo, trước ý sưu tầm.
Chẳng huyền (mờ mịt) chẳng áo (sâu kín), chẳng cạn chẳng sâu, một con đường kỳ diệu, suy gẫm cân đo, gắng chí tìm.

007. 君須悟, 勿誤疑, 有平路, 任驅馳, 隨時變易, 件件鹹宜.

Quân tu ngộ, vật ngộ nghi, hữu bình lộ, nhậm khu trì, tùy thời biến dịch, kiện kiện hàm nghi.
Ông nên biết chắc, chớ có nghi ngờ, có đường bằng phẳng, mau mau rong ruổi, tùy cơ ứng biến, mọi việc tốt đang chờ.

008. 虎戀高山別有機, 眾人目下尚狐疑, 雁來嘹啞黃花發, 此際聲名達帝畿.

Hổ luyện cao sơn biệt hữu cơ, chúng nhân mục hạ thượng hồ nghi, nhạn lai liêu ỷ huỳnh hoa phát, thử tế thanh danh đạt đế kỳ.
Dù cọp có mến non cao cũng phải có lúc từ biệt, dưới mắt mọi người chớ hồ nghi, chim nhạn đến chỗ vắng thấy hoa vàng nở, danh tiếng nổi lên bay đến cung vua (kinh đô).

009. 貴客相逢更可期, 庭前枯木鳳來儀, 好將短事求長事, 休聽旁人說是非.

Quý khách tương phùng cánh khả kỳ, đình tiền khô mộc phượng lai nghi, hảo tương đoan sự cầu trường sự, hưu thính bàng nhân thuyết thị phi.
May mắn gặp được khách quý, cây khô trước sân có chim phượng đến đậu, hãy lấy việc ngắn mà tìm việc dài, đừng nghe những lời thị phi của người ngoài.

010. 嘹啞征鴻獨出群, 高飛羽翼更糾紛, 雲程北進好音遂聞, 朝雲暮雨交加有憑.

Liêu ỷ chinh hồng độc xuất quần, cao phi vũ dực cánh củ phân, vân trình bắc tiến hảo âm toại văn, triều vân mộ vũ giao gia hữu bằng.
Chim nhạn lẻ loi một mình tách khỏi bầy, hãy bay lên cao đi, đừng quyến luyến làm gì, đi về hướng Bắc sẽ nghe được tiếng tốt, dù có gió sớm mưa chiều cũng không đề nổi cánh chim bằng.

011. 無蹤又無跡, 遠近均難覓, 平地起風波, 似笑還成泣.

Vô tung hữu vô tích, viễn cận quân nan mịch, bình địa khởi phong ba, tự tiếu hoàn thành khấp.
Không thấy tung tích, xa gần khó tìm, đất bằng nổi sóng gió, như cười mà thành khóc.

012. 神黯黯, 意悠悠, 收卻線, 莫下鉤.

Thần ảm ảm, ý du du, thu khước tuyến, mạc hạ câu.
Thần u ám, ý mịt mờ, thâu sợi nhợ, chớ buông câu.

013. 得意宜逢婦, 前程去有緣, 利名終有望, 三五月團圓.

Đắc ý nghi phùng phụ, tiền trình khứ hữu duyên, lợi danh chung hữu vọng, tam ngũ nguyệt đoàn viên.
Đắc ý nên gặp vợ, tiền trình đi có duyên, cuối cùng được danh lợi, năm ba tháng đoàn viên.

014. 鼎沸起風波, 孤舟要渡河, 巧中卻藏拙, 人事轉蹉跎.

Đỉnh phí khởi phong ba, cô chu yếu độ hà, xảo trung khước tàng chuyết, nhân sự chuyển sa đà.
Đỉnh nước sôi khởi sóng gió, thuyền đơn độc muốn qua sông, trong khéo có chứa vụng, việc người hóa dây dưa.

015. 意在閑中信未來, 故人千里自徘徊, 天邊雁足傳消息, 一點梅花春色回.

Ý tại nhàn trung tín vị lai, cố nhân thiên lý tự bồi hồi, thiên biên nhạn túc truyền tiêu tức, nhất điểm mai hoa xuân sắc hồi.
Tin thư chưa lại ý mong chờ, bạn cũ dậm ngàn luống ngẩn ngơ, cánh nhạn chân trời truyền tin đến, mai vàng một đoá điểm xuân mơ.

016. 心和同, 事知同, 門外好施功, 交加事有終.

Tâm hoà đồng, sự tri đồng, môn ngoại hảo thi công, giao gia sự hữu chung.

Tâm hòa đồng, sự biết đồng, ra sức làm xa nhà, công việc có kết quả.

017. 欲行還止, 徘徊不已, 藏玉懷珠, 寸心千里.

Dục hành hoàn chỉ, bồi hồi bất dĩ, tàng ngọc hoài châu, thốn tâm thiên lý.

Muốn đi mà lại dừng, trở lại lòng không nở, ẩn chứa ngọc châu, tấc lòng ngàn dặm.

018. 心戚戚, 口啾啾, 一番思慮一番憂, 說了休時又不休.

Tâm thích thích, khẩu thu thu, nhất phiên tư lự nhất phiên ưu, thuyết liễu hựu thời hựu bất hựu.

Lòng bức rút, miệng rầu rầu, một phen nghĩ đến, một phen lo, đã bảo ngưng mà chẳng chịu ngưng.

019. 不遠不近, 似易似難, 等閒一事, 雲中笑看.

Bất viễn bất cận, tự dị tự nan, đẳng nhàn nhất sự, vân trung tiếu khán.

Chẳng gần chẳng xa, tự dễ tự khó, mọi việc bình thường, trong mây cười xem.

020. 桃李謝春風, 西飛又複東, 家中無意緒, 船在浪濤中.

Đào lý tạ xuân phong, tây phi hựu phức đông, gia trung vô ý tứ, thuyền tại lãng đào trung.

Đào lý cột gió Xuân, bay Tây lại về Đông, trong nhà không manh mối, thuyền bơi giữa ba đào.

021. 一水遠一水, 一山旋一山, 水窮山盡處, 名利不為難.

Nhất thủy viễn nhất thủy, nhất sơn tuyền nhất sơn, thủy cùng sơn tận xứ, danh lợi bất vi nan.

Nước chảy ngày càng xa, non cao lại thêm cao, non nước gặp đường cùng, danh lợi dừng ngại khó.

022. 事相扶, 在半途, 翻覆終可免, 風波一點無.

Sự tương phù, tại bán đồ, phiên phúc chung khả miễn, phong ba nhất điểm vô.

Việc phải nương nhau để góp công, dù chí dờ dang đến nửa chừng, lặn dạn lúc đầu sau tránh khỏi, sóng yên gió lặng thoả lòng mong.

023. 喜喜喜, 春風生桃李, 不用強憂煎, 明月人千里.

Hỉ hỉ hỉ, xuân phong sanh đào lý, bất dụng cường ưu tiên, minh nguyệt nhân thiên lý.

Mừng, mừng, mừng, gió Xuân tươi đào lí, chẳng nên quá tranh hơn, trăng sáng người ngàn dặm.

024. 意孜孜, 心戚戚, 要平安, 防出入.

Ý tư tư, tâm thích thích, yếu bình an, phòng xuất nhập.

Ý sợ sợ, lòng lo lo, muốn được yên ổn, cẩn thận ra vào.

025. 見不見, 也防人背面, 遇不遇, 到底無憑據.

Kiến bất kiến, dã phòng nhân bối diện, ngộ bất ngộ, đáo để vô bằng cứ.

Thấy chẳng thấy, đề phòng kẻ sau lưng, gặp không gặp, rốt sau không bằng cứ.

026. 一番桃李一番春, 誰識當初氣象新, 林下水邊尋活計, 見山了了稱心意.

Nhất phiên đào lí nhất phiên xuân, thủy thức đương sơ khí tượng tân, lâm hạ thủy biên tầm hoạt kế, kiến sơn liễu liễu xứng tâm ý.

Một vườn đào lí một vườn Xuân, ai biết cảnh xưa đổi mới rồi, tìm nơi dòng nước trong rừng thẳm, thấy núi rõ ràng thật xứng tâm.

027. 莫怪我見錯, 心性自成局, 偏僻不通心, 真人卻不魔.

Mạc quái ngã kiến thác, tâm tính tự thành a, thiên tích bất thông tâm, chân nhân khước bất ma.

Chẳng ma quái tự mình lầm, chấp chặt mới thành hư, tâm tính không ổn định, ma quý khiếp người chân.

028. 駢馬交馳, 男兒得志, 時行程早辦, 勞歸樂期.

Biền mã giao trì, nam nhi đắc chí. thời hành trình tảo biện, lao qui lạc kỳ.

Đôi ngựa vượt đường xa, nam nhi đắc chí mà, hành trình nên liệu gấp, sung sướng trở về nhà.

029. 了卻心頭事, 三生夙有緣, 香開十裏桂, 移步入天邊.

Liễu khước tâm đầu sự, tam sinh túc hựu duyên, hương khai thập lý quế, di bộ nhập thiên biên.

May gặp người tâm đầu, là duyên ba sinh đó, mười dặm thơm hương quế, bay xa về muôn chỗ.

030. 緣黃閣白了頭, 畢更成何濟, 不如趁此精神猶好, 賣些真氣.

Duyên hoàng các, bạch liễu đầu, tất cánh thành hà tể, bất như sấn thử tinh thần do hảo, mại ta chân khí.

Lầu vàng nên duyên kiếp, sương pha trợn mái đầu, cứu cánh còn đâu nữa, thời gian giục tuổi mau, còn chút tinh thần sáng, tìm dựa chốn thanh cao.

031. 離別間, 雖不易, 同伴行, 猶不滯, 早早起程, 免他失意.

Ly biệt gian, tuy bất dị, đồng bạn hành, do bất trệ, tảo tảo khởi trình, miễn tha thất ý.

Tuy có lúc cách biệt, mà lòng vẫn như xưa, đi cùng bạn, đừng chần chừ, hãy sớm lên đường, để kịp thời cơ.

032. 樂之極憂將至, 巽兌分明吉與凶, 未能光大終幽暗, 日落西山返照中.

Lạc chi cực ưu tương chí, tổn đoài phân minh cát dữ hung, vị năng quang đại chung u ám, nhật lạc tây sơn phản chiếu trung.

Hết lúc vui đến lúc lo âu, Đông Tây phân rõ tốt với xấu, chưa có ánh sáng, còn tối tăm, mặt trời lặn núi tây còn phản chiếu ánh sáng.

033. 曆過波濤三五重, 誰知浪靜又無風, 須教明達青雲路, 用舍行藏不費功.

Lịch quá ba đào tam ngũ trọng, thủy tri lãng tĩnh hựu vô phong, tu giao minh đạt thanh vân lộ, dụng xả hành tàng bất phí công.

Mấy phen lần lộn chốn ba đào, ai biết sóng dừng hết gió xao, hãy gấp đường mây luôn thẳng tiến, thành công đang đợi hãy mau mau.

034. 缺月又重圓, 枯枝色更鮮, 一條夷坦路, 翹首望青天.

Khuyết nguyệt hựu trùng viên, khô chi sắc cánh tiên, nhất điều di thản lộ, kiêu thủ vọng thanh thiên.

Trăng khuyết nay lại tròn, cành khô nảy lộc non, con đường đi rộng mở, ngẩng mặt trông trời xanh.

035. 行路難行路難, 今日方知行路難, 前程廣大何足慮, 瓊力今朝度此灘.

Hành lộ nan, hành lộ nan, kim nhật phương tri hành lộ nan, tiền trình quảng đại hà túc lự, quỳnh lực kim triều độ thử滩.

Đường đi khó, đường đi khó, đến nay mới biết đường đi khó, tiền trình rộng mở thôi đứng lo, gắng sức vượt qua khỏi bến đò.

036. 春景明, 春色新, 春意傍水生, 春天無限好, 好去宴瓊林.

Xuân cảnh minh, xuân sắc tân, xuân ý bàng thủy sinh, xuân thiên vô hạn hảo, hảo khứ yến quỳnh lâm.

Cảnh Xuân sáng, sắc Xuân tươi, nước trôi sinh xuân ý, trời xuân vẫn vẹn mười, mau đến chốn tiệc vui.

037. 萬馬歸元, 千猿朝洞, 虎伏龍降, 道高德重.

Vạn mã qui nguyên, thiên viên triều động, hổ phục long giáng, đạo cao đức trọng.

Muôn ngựa về một, ngàn khỉ chầu trong động, rồng giáng hổ nằm, đạo cao đức trọng.

038. 黃鸝報上林, 春色鮮明, 提鞭快著馬, 上速行程.

Hoàng li báo thượng lâm, xuân sắc tiến minh, đề tiên khoái trước, mã thượng tốc hành trình.

Oanh vàng báo đến rừng, sắc Xuân tươi sáng, mau chuẩn bị roi, lên ngựa kịp hành trình.

039. 大肆放靈丹, 救人行萬千, 到頭登彼岸, 渡過入仙班.

Đại tứ phóng linh đan, cứu nhân hàng vạn thiên, đáo đầu đăng bỉ ngạn, độ quá nhập tiên ban.

Ấn lớn cấp linh đan, cứu người đến muôn ngàn, cuối cùng lên bờ giác, thẳng hướng đến cõi tiên.

040. 一帶水, 碧澄澄, 舟住江上, 月到天心, 穩步其中, 玄妙不閑, 非人誤己, 幾喪生身.

Nhất dải thủy, bích trường trường, chu trú giang thượng, nguyệt đáo thiên tâm, ổn bộ kỳ trung, huyền diệu bất nhàn, phi nhân ngộ kỷ, kỷ táng sanh thân.

Dòng nước chảy, xanh biêng biếc, thuyền ở trên sông, trăng sáng khắp trời, đang lúc vững bước đi, mầu nhiệm chẳng hộ trì, người đang hiểu lầm ta, sớm biết để tránh xa.

041. 桃李舒妍, 春光鮮麗, 良辰美景君須記, 隨心所往事事相宜, 無用多疑幹瀆神祇.

Đào lí thư phan, xuân quang tiến lệ, lương thần mỹ cảnh quân tu ký, tùy tâm sở vãng sự sự tương nghi, vô dụng đa nghi cán độc thần chi.

Đào lí tha hồ vụng trộm với nhau, ánh sáng mùa Xuân tốt tươi, giờ tốt cảnh đẹp anh hãy nhớ, tùy tâm đến chỗ muốn đến, mọi việc đều thuận, xin đừng đa nghi mà bỏ qua cơ hội có thần phù hộ.

042. 隱中顯, 顯中微, 個中有玄機, 參得透了, 直上仙梯.

Ẩn trung hiển, hiển trung vi, cá trung hữu huyền cơ, tham đắc thấu liễu, trực thượng tiên đề.

Có ẩn trong cái hiện, có hiện (tốt) trong việc làm, mỗi việc đều có cái hay riêng của nó, thấu hiểu được chỗ này, thang Tiên cứ việc leo lên.

043. 無上去, 在前頭, 回頭一悟, 繩韁好收, 千條萬線路常在, 自好搜求.

Vô thượng khứ, tại tiền đầu, hồi đầu nhất ngộ, thăng cương hảo thu, thiên điều vạn tuyến lộ thường tại, tự hảo sưu cầu.

Đừng đi tiếp, dừng lại ngay, biết quay đầu lại, sẽ thấy điều hay, tìm được đường đi trong vạn nẻo, tự mình chọn lối.

044. 四顧無門路, 桃源路可通, 修煉成正果, 萬歲壽如松.

Tứ cố vô môn lộ, đào nguyên lộ khả thông, tu luyện thành chánh quả, vạn tuế thọ như tùng.

Bốn bề đang bít lối, chờ cơ hội vượt qua, tu luyện được thành quả, hưởng tuổi thọ ngàn năm như cây tùng.

045. 不用忙, 不用慌, 自有駐足鄉, 鳴鼓響鐘地, 三寶見門牆.

Bất dụng mang, bất dụng hoang, tự hữu trú túc hương, minh cổ hưởng chung địa, tam bảo kiến môn tường.

Đừng hoang mang, chớ lo sợ, hữu duyên vững thế rõ như in, khuê chuông giống trống thần linh chứng, cửa Phật không xa tất hiện hình.

046. 奔波一世, 總是虛浮, 無常一到萬事休, 急早回頭.

Bôn ba nhất thế, tổng thị hư phù, vô thường nhất đáo vạn sự hưu, cấp tảo hồi đầu.

Một đời bồn ba, cũng chẳng được gì, một phen vô thường đến, mọi việc thảy đều dừng, mau gấp quay đầu.

047. 真真真, 人不識, 真真真, 神有靈, 歸宗返本, 方是元精.

Chân chân chân, nhân bất thức, chân chân chân, thần hữu linh, qui tông phản bản, phương thị nguyên tinh.

Thực thực thực, người chẳng biết, thực thực thực, có thần linh, trở về nguồn gốc, mới được an lành.

048. 走盡天涯, 風霜曆遍, 不如問人三天, 漸漸有回首見.

Tẩu tận thiên nhai, phong sương lịch biến, bất như vấn nhân tam thiên, tiệm tiệm hữu hồi thủ kiến.

Chạy đến chân trời, gió sương từng trải, chẳng bằng hỏi người ba bữa, dần dần sẽ rõ đường đi.

049. 沈沈厠染, 不見天心, 雷門一震, 體健身輕.

Trầm trầm a nhiễm, bất kiến thiên tâm, lôi môn nhất chấn, thể kiện thân khinh.

Bệnh hoạn trầm trọng, chẳng thấy lòng trời, chợt gặp duyên may, thân thể mạnh lành.

050. 財馬兩匆忙, 官祿有定方, 豬羊牛犬, 自去主張.

Tài mã lưỡng thông mang, quan lộc hữu định phương, trư dương ngưu khuyển, tự khứ chủ trương.

Tài (tiền bạc) và mã (sự nghiệp) đang lúc vội vàng bận rộn, công danh và tiền bạc có hướng định rồi, heo dê trâu chó (các thứ linh tinh), tự mình chủ trương (đừng thêm bận tâm tới nó).

051. 空空空, 空裏得成功, 蟠桃千載熟, 不怕五更風.

Không không không, không lý đắc thành công, bàn đào thiên tải thực, bất phạ ngũ canh phong.

Không không không, trong không được thành công, bàn đào ngàn năm chín, nào sợ gió canh năm.

052. 愁臉放, 笑顏開, 秋月掛高臺, 人從千里來.

Sầu kiểng phóng, tiểu nhan khai, thu nguyệt quải cao đài, nhân tòng thiên lý lai.

Hết sầu buồn, nụ cười nở, trăng thu treo đài cao, người từ ngàn dặm đến.

053. 須著力, 莫遠遊, 長竿釣向蟾蜍窟, 直欲雲中得巨鼈.

Tu trước lực, mạc viễn du, trường can điếu hướng thiềm thừ quật, trực dục vân trung đắc cự ngao.

Hãy gắng sức, đừng chơi xa, cần câu dài thả xuống hang cóc, thẳng muốn trong mây câu được ngao (con ba ba lớn).

054. 無蹤無跡, 遠近難覓, 早海行舟, 空勞費力.

Vô tung vô tích, viễn cận nan觅, hạo hải hành châu, không lao phí lực.

Không thấy tung tích, xa gần khó tìm, thuyền đi biển cạn, uổng công phí sức.

055. 細雨濛濛濕, 江邊路不通, 道途音信遠, 憑仗借東風.

Tế vũ mông mông thấp, giang biên lộ bất thông, đạo đồ âm tín viễn, bằng trượng tá đông phong.
Mưa nhỏ ướt sơ sơ, ven sông đường không thông, đường xa không tin tức, chỉ còn mong mỗi gió đông thấu tình.

056. 平地起雲煙, 時下未能安, 高處覓姻緣.

Bình địa khởi vân yên, thời hạ vị năng an, cao xứ mịch nhân duyên.
Đất bằng nổi mây khói, lúc này chưa được yên, nơi cao tìm nhân duyên.

057. 正直宜守, 妄動生災, 利通名達, 葉落花开.

Chính trực nghi thủ, vọng động sanh tai, lợi thông danh đạt, diệp lạc hoa khai.
Thẳng ngay nên giữ lấy, vọng động sinh tai nạn, danh lợi sẽ được như ý, lá rụng thì hoa sẽ nở.

058. 君子升, 小人阻, 征戰生離苦, 前有吉人逢, 信在馬牛人在楚, 事要營求.

Quân tử thăng, tiểu nhân trở, chinh chiến sanh ly khổ, tiền hữu cát nhân phùng, tín tại mã ngưu nhân tại sở, sự yếu doanh cầu thoả.
Quân tử được thăng cao, tiểu nhân bị ngăn trở, bởi chinh chiến nên chịu cái khổ sanh ly, trước mắt gặp người tốt, tin tức do ngựa trâu mang đến, sự việc nên tìm nhiều nơi thì được.

059. 紛紛複紛紛, 欸獨掩門, 眉望燈火, 伴我坐黃昏.

Phân phân phức phân phân, 欸獨掩門, 眉望燈火, 伴我坐黃昏.
Rối rắm chông rối rắm, sứt sùi khóc than ngoài cửa, chau mày chờ mong đèn lửa, chờ mãi đến chiều hôm.

060. 紅顏美, 休掛懷, 人在車中, 舟行水裏.

Hồng nhan mỹ, hưu quái hoài, nhân tại xa trung, châu hành thủy lý.
Hong nhan dù đẹp đến đâu, cũng đừng nhớ nặng mong sâu làm gì, lẽ thường người ở trong xe, thuyền bè trong nước có chi ra ngoài.

061. 橋已斷, 路不通, 登舟理楫, 又遇狂風.

Kiều dĩ đoạn, lộ bất thông, đăng châu lý tiếp, hựu ngộ cuồng phong.
Cầu đã gãy, đường không thông, nếu tiếp tục chèo thuyền, lại gặp gió dữ.

062. 深潭月, 照鏡影, 一場空, 安報信.

Thâm đàm nguyệt, chiếu kính ảnh, nhất trường không, an báo tín.
Bóng trăng dưới đầm sâu, ảnh trong gương, là không thật, phải biết chắc như thế.

063. 湖海意悠悠, 煙波下釣鉤, 若逢龍與兔, 名利一齊周.

Hồ hải ý du du, yên ba hạ diếu câu, nhược phùng long dữ thố, danh lợi nhất tề châu.
Biển hồ mệnh mang vờ vờ, thả câu nơi khói sóng, nếu gặp Rồng và Thỏ (Mèo), thu đạt danh lợi.

064. 物不牢, 人斷橋, 重整理, 慢心高.

Vật bất lao, nhân đoạn kiêu, trùng chỉnh lý, mạn tâm cao.
Vật không ở trong chuồng, người bị cầu gãy, sửa đổi lại, đừng chủ quan.

065. 入而易, 出而難, 懣懣到再三, 交加意不堪.

Nhập nhi dị, xuất nhi nan, yêm yêm đáo tái tam, giao gia ý bất kham.
Vào thì dễ, ra thì khó, thoi thóp đến ba lần, tiến thoái lưỡng nan.

066. 事遲志速, 而且反覆, 直待歲寒, 花殘果熟.

Sự trì chí tốc, nhi tả phản phúc, trực đãi tuế hàn, hoa tàn quả thực.
Việc đang chậm lại muốn mau, sao tránh khỏi trở ngại, chờ đến cuối năm, hoa rụng thì quả sẽ chín.

067. 乘馬前進, 所求吉貞, 隨時諧美, 缺月重明.

Thừa mã tiền tiến, sở cầu cát trinh, tùy thời hài mỹ, khuyết nguyệt trùng minh.
Cỡi ngựa thẳng tới trước, việc mong cầu đang thuận tốt, vài trở ngại nhỏ, vắng trăng hết khuyết lại in gương tròn.

068. 舟離古渡月離雲, 人出潼關好問津, 且向前行去求住, 何須疑慮兩三心.

Châu ly cổ độ nguyệt ly vân, nhân xuất đồng quan hảo vấn tân, tả hướng tiền hành khứ cầu trụ, hà tu nghi lự lưỡng tam tâm.
Thuyền lìa bến cũ, trăng ra khỏi mây, qua khỏi sông hẹp, bờ mới đang chờ, chẳng nên do dự, tiến thẳng lên đường.

069. 不足不足, 難伸心曲, 野塘雨過月如鉤, 夢斷邯鄲眉黛愁.

Bất túc bất túc, nạn thân tâm khúc, dã đường vũ quá nguyệt như câu, mộng đoạn Hàm Đan mi đại sầu.
Vì cho chẳng đủ, nên cứ thiếu hoài, ao vắng mưa qua trăng khuyết hiện, mộng dứt Hàm Đan, lông mày vẽ sầu.

070. 美有堪, 堪有美, 始有終, 終有始.

Mỹ hữu kham, kham hữu mỹ, thủy hữu chung, chung hữu thủy.
Đẹp có xấu, xấu có đẹp, đầu có đuôi, đuôi có đầu.

071. 湖海悠悠, 孤舟浪頭, 來人未渡, 殘照山樓.

Hồ hải du du, cô châu lãng đầu, lai nhân vị độ, tàn chiếu sơn lâu.
Biển nước mênh mông, sóng trước đầu thuyền, người chưa qua sông, ánh sáng le lói, chiếu lâu trên núi.

072. 深戶要牢局, 提防暗裏人, 莫言無外事, 縱好定遭.

Thâm hộ yếu lao quỳnh, đề phòng ám lí nhân, mạc ngôn vô ngoại sự, túng hảo định tao.
Nhà sâu phải cài then, đề phòng người mờ ám, đừng nói không việc gì, chủ quan thì sẽ gặp.

073. 江海悠悠, 煙波下鉤, 六龍連獲, 歌笑中流.

Giang hải du du, yên ba hạ câu, lục ngao liên hoạch, ca tiếu trung lưu.
Sông biển mênh mông, trong khói sóng buông câu, thu hoạch liền sáu con ngao, giữa dòng hát vui.

074. 欲濟未濟, 欲求強求, 心無一定, 一車兩頭.

Dục tế vị tế, dục cầu cưỡng cầu, tâm vô nhất định, nhất xa lưỡng đầu.
Muốn giúp chưa giúp, muốn cầu chưa cầu, tâm không nhất định, một xe hai đầu.

075. 一得一慮, 退後欲先, 路通大道, 心自安然.

Nhất đắc nhất lự, thoái hậu dục tiên, lộ thông đại đạo, tâm tự an nhiên.
Một được một lo, lui ra sau muốn tới trước, lộ thông đường lớn, tâm tự an nhiên.

076. 難難難, 忽然平地起波瀾, 易易易, 談笑尋常終有望.

Nan nan nan, hốt nhiên bình địa khởi ba lan, dị dị dị, đàm tiếu tầm thường chung hữu vọng.
Khó khó khó, bỗng nhiên đất dậy sóng, dễ dễ dễ, cười nói bình thường không làm cũng thành.

077. 心有餘, 力不足, 倚仗春風, 一歌一曲.

Tâm hữu dư, lực bất túc, ỷ trượng xuân phong, nhất ca nhất khúc.
Có thừa tâm tính toán, không có sức, nương tựa gió xuân thổi, hát câu khai hoàn.

078. 身不安, 心不安, 動靜兩三番, 終朝事必歡.

Thân bất an, tâm bất an, động tĩnh lưỡng tam phiên, chung triều sự tất hoan.
Thân không an, lòng không an, động tĩnh mực chừng nghĩ thiết hơn, đôi ba lần nghiệm thời cơ đến, kết cục vui tươi việc vẹn toàn.

079. 事了物未了, 人圓物未圓, 要知端的信, 日影上琅.

Sự liễu vật vị liễu, nhân viên vật vị viên, yếu tri đoan đích tín, nhật ảnh thượng lang.
Việc xong xuôi chuyện chưa rồi, người tròn vật khuyết, lời thôi việc làm, muốn hay tin tức rõ ràng, mặt trời bóng chiếu hành lang trưa ngày.

080. 木向陽春發, 三陰又伏根, 樵夫不知道, 砍去作柴薪.

Mộc hướng dương xuân phát, tam âm ựu phục căn, tiều phu bất tri đạo, khảm khứ tác sài tân.
Thấy cây hiện tại đang xanh tốt, đâu biết xưa từng trái khó khăn, khổ ấy tiều phu nào có rõ, nặng nề làm củi chặt phẳng phẳng.

081. 一月缺, 一鏡缺, 不團圓, 無可說.

Nhất nguyệt khuyết, nhất kính khuyết, bất đoàn viên, vô khả thuyết.
Mặt trăng khuyết, gương chẳng tròn, đâu toàn vẹn, không biết nói sao hơn.

082. 車馬到臨, 旌旗隱隱月分明, 招安討叛, 永大前程.

Xa mã đáo lâm, tinh kỳ ẩn ẩn nguyệt phân minh, chiêu an thảo叛, vĩnh đại tiền trình.

Xe ngựa đến rồi, cờ bay phất phới trắng thời sáng trong, giặc thù ta đã dẹp xong, con đường trước mặt vững chãi.

083. 我何宿, 我何宿, 海東河北成名錄, 一段神光, 直冲天瀆.

Ngã hà túc, ngã hà túc, hải đông hà bắc thành danh lục, nhất đoạn thần quang, trực xung thiên độ.
Làm sao giữ? làm sao giữ? biển đông sông bắc ngày nay đã đổi chủ, thì thôi cũng quyết một phen, liều mình phá tan giặc dữ.

084. 金鱗入手, 得還防走, 若論周旋, 謹言緘口.

Kim lân nhập thủ, đắc hoàn phòng tẩu, nhược luận chu toàn, cẩn ngôn giam khẩu.
Vàng vào tay, coi chừng bị mất, muốn được vững bền, cẩn thận lời nói.

085. 傾一次, 展愁眉, 天地合, 好思為.

Khuynh nhất thứ, triển sầu mi, thiên địa hợp, hảo tư vi.
Một lần gầy đổ, phát sinh chuyện buồn, ráng mà thuận thảo, cuộc sống mới an.

086. 野鬼張弧射主人, 暗中一箭鬼魂驚, 忽然紅日沉江海, 難破空中事不明.

Dã quỷ trương hồ xạ chủ nhân, ám trung nhất tiễn quỷ hồn kinh, hốt nhiên hồng nhật trầm giang hải, nan phá không trung sự bất minh.
Quỷ đồng trương cung bắn chủ nhân, khuê vang bóng tối quỷ hồn kinh, thành linh bóng đổ rơi trong biển, tình sự không bàn được rõ minh.

087. 福星照, 吉宿臨, 青天有日見天真, 龍飛下載到明庭.

Phước tinh chiếu, cát tú lâm, thanh thiên hữu nhật kiến thiên chân, long phi hạ tải đáo minh đình.
Phước tinh chiếu mạng, sao tốt hộ thân, ban ngày trời sáng, hiểu rõ thiên chân, rồng bay trên cao, hạ xuống sân sáng.

088. 獨釣寒潭, 中途興闌, 水寒魚不餌, 空載月明還.

Độc điếu hàn đàm, trung đồ hưng lan, thủy hàn ngư bất nhĩ, không tải nguyệt minh hoàn.
Một mình câu ở đầm lạnh, nửa chừng sóng dậy phá tan cuộc cờ, nước lạnh cá không ăn mồi, trời trong trăng sáng đành quay về.

089. 不歸一, 勞心力, 貴人旁, 宜借力.

Bất qui nhất, lao tâm lực, quý nhân bàng, nghi tá lực.
Chẳng đồng lòng, hao tâm sức, được người giúp, mới thành công.

090. 雲盡月當中, 光輝到處通, 路途逢水順, 千里快如風.

Vân tận nguyệt đương trung, quang huy đáo xứ thông, lộ đồ逢 thủy thuận, thiên lý khoái như phong.
Mây tan trăng hiện rõ, chiếu sáng khắp nơi nơi, đường đi xuôi dòng chảy, ngàn dặm vui như gió.

091. 劍戟列山林, 盜賊必來侵, 敗走擒搜定, 封侯蔭子孫.

Kiếm kích liệt sơn lâm, đạo tặc tất lai xâm, bại tẩu cầm sưu định, phong hầu ăm tử tôn.
Kiếm kích bày lớp lớp, đạo tặc ắt xâm lăng, tìm bắt cho bằng hết, con cháu hưởng công danh.

092. 岸闊水深舟易落, 路遙山險步難行, 蛇行自有通津日, 月上天空分外明.

Ngạn khoáng thủy thâm châu dị lạc, lộ dao sơn hiểm bộ nan hành, xà hành tự hữu thông tân nhật, nguyệt thượng thiên không phận ngoại minh.
Bờ rộng nước sâu, thuyền dễ chìm, đường xa núi hiểm khó đi thêm, biết cách vòng vào thì tới được, trời trong trăng sáng đã kề bên.

093. 擬欲遷而未可遷, 提防喜處惹勾連, 前途若得陰人引, 變化魚龍出大淵.

Ngĩ dục thiên nhi vị khả thiên, đề phòng hỷ xứ nhạ câu liên, tiền đồ nhược đắc âm nhân dẫn, biến hoá ngư long xuất đại uyên.
Ý muốn dời mà chưa kịp dời, đề phòng mưu hại ở nơi nơi, tiền đồ nếu được người trên giúp, cá rồng biến hóa bay lên khỏi vực sâu.

094. 一人去, 一人入, 清風明月兩相猜, 獲得金鱗下釣台.

Nhất nhân khứ, nhất nhân nhập, thanh phong minh nguyệt lưỡng tương sai, hoạch đắc kim lân hạ điếu đài.
Một kẻ đi ra, một kẻ vào, gió mát trăng sáng cũng đáng ngờ, câu được cá vàng dưới chòi câu.

095. 喜未穩, 悲已遭, 大雨狂風吹古木, 人人盡道不堅牢.

Hỉ vị ổn, bi dĩ tao, đại vũ cuồng phong xuy cổ mộc, nhân nhân tận đạo bất kiên lao.

Mừng rỡ chưa tròn, buồn đã đến, mưa to gió lớn thổi cây già, việc đời là vậy thắng bại là lẽ thường.

096. 可以寄百里之命, 可以托六尺之孤, 鍾期既遇毋遲誤. 笑呼呼, 他鄉聚首, 各自樂康和.

Khả dĩ ký bách lý chi mệnh, khả dĩ thác lục xích chi cô, chung kỳ ký ngộ vô trì ngộ, tiếu hô hô, tha hương tụ thủ, các tự lạc khang hoà.

Muôn dặm tìm ra chỗ náu thân, cô đơn đã hết, có người gần, hồi chuông vang báo tin mừng đến, thôi chớ hồ nghi chuyện ái ân.

097. 報導上林, 春色鮮明, 提鞭快著, 馬上行程.

Báo đạo thượng lâm, xuân sắc tiển minh, đề tiên khoái trước, mã thượng hành trình.

Bảo cho người biết, xuân sắc tốt tươi, mau roi lên ngựa, đường trước thẳng xông.

098. 鼠入土穴, 最可安身, 日中不見, 靜夜巡行.

Thử nhập thổ huyết, tối khả an thân, nhật trung bất kiến, tĩnh dạ tuần hành.

Chuột đã vào hang, mừng được thân an, ngày ngày lẫn khuất tìm đâu thấy, đêm đến lần ra có ngại gì.

099. 打起平生志, 西南好去遊, 腰纏十萬貫, 騎鶴上揚州.

Đả khởi bình sinh chí, tây nam hảo khứ du, yêu thiên thập vạn quán, kỵ hạc thượng dương châu.

Muốn thỏa chí bình sanh, đi hướng Tây Nam thỏa ước mong, lưng đeo tiền muôn vạn, cỡi hạc tới Dương Châu.

100. 喜喜喜, 終防否, 獲得驪龍頷下珠, 忽然失卻, 還在水裏.

Hỉ hỉ hỉ, chung phòng bỉ, hoạch đắc ly long hàm hạ châu, hốt nhiên thất khước, hoàn tại thủy lý.

Đương cơn vận tốt trùng trùng, coi chừng vận bỉ, được ly châu (hạt châu đeo dưới cổ con ly long, tương truyền rất quý giá), đột nhiên bị mất, rơi ở dưới nước.

101. 國有賢士, 廷無佞臣, 干戈不用, 常享太平.

Quốc hữu hiền sĩ, đình vô nịnh thần, can qua bất dụng, thường hưởng thái bình.

Trong nước có hiền sĩ, triều đình không tâng nịnh, không có chiến tranh, thường được hưởng thái bình.

102. 泰來否已極, 諸事莫憂心, 但須 養元福, 做些好事, 行些方便, 一點丹靈獨得真.

Thái lai bỉ dĩ cực, chư sự mạc ưu tâm, đản tu dưỡng nguyên phúc, tố ta hảo sự, hành ta phương tiện, nhất điểm đan linh độc đắc chân.

Hết bỉ thì đến thái, mọi việc chớ lo âu, siêng năng làm tạo phúc đức, làm việc thiện cho nhiều, tâm linh tốt đẹp, nhất định được "Chân" (điều tốt).

103. 民樂業, 官吏清, 雍熙之世復見於今, 告諸人千秋鴻業, 仗此望明君.

Dân lạc nghiệp, quan lại thanh, ung hi chí thế phúc kiến ư kim, cáo chư nhân thiên thu hồng nghiệp, trượng thử vọng minh quân.

Dân sống yên ổn, quan lại thanh liêm, nay được thấy đời Ung Hi, báo cho người biết sự nghiệp phát triển tốt đẹp, ráng mà phò vua sáng.

104. 安如泰山, 穩如磐石, 放膽前行, 中通外直.

An như thái sơn, ổn như bàn thạch, phóng đảm tiền hành, trung thông ngoại trực.

Vững như Thái Sơn, yên như ngai bàn đá, không sợ phía trước, bên trong thông suốt bên ngoài thẳng xông.

105. 月中有丹桂, 人終攀不著, 雲梯足下生, 此際好落腳.

Nguyệt trung hữu đan quế, nhân chung phan bất trước, vân thê túc hạ sinh, thử tế hảo lạc cước.

Trong trăng có đan quế, phien phúc chẳng đeo người, nấc thang chân leo vững, an ổn đến nơi cao.

106. 天間一孤雁, 嘹唳歎離群, 試問知君者, 而今有幾人.

Thiên gian nhất cô nhạn, liêu lệ thán ly quần, thí vấn tri quân giả, nhi kim hữu kỷ nhân.

Nhạn lẻ chốn nhân gian, lia đàn cô quạnh than, hỏi ai người biết, trong trần có mấy người tri âm.

107. 紅葉無顏色, 凋零一夜風, 鄰雞醒午夢, 心事總成空.

Hồng diệp vô nhan sắc, điêu linh nhất dạ phong, lân kê tỉnh ngọ mộng, tâm sự tổng thành không.

Lá đỏ không nhan sắc, gió đêm thổi rụng rồi, gà hàng xóm gáy ban trưa làm tỉnh mộng, vẫn vơ tâm sự.

108. 事如麻, 理多錯, 日掩雲中, 空成耽擱.

Sự như ma, lý đa thác, nhật yểm vân trung, không thành đảm các.

Sự việc gai (ma là cây gai, gai cũng làm trở ngại cho bước đường đi), lý luận có nhiều sai lầm, mặt trời bị mây che, đành phải ứng chịu.

109. 勿上舊轍, 甘駕新車, 東西南北, 穩步康衢.

Vật thượng cựu triệt, cam giá tân xa, đông tây nam bắc, ổn bộ khang cù.

Đừng đi theo vết cũ, đổi mới xe khác ngồi, bốn phương đông tây nam bắc, đi đường bộ yên vui.

110. 夜夢被鼠驚, 醒來不見人, 終宵廢寢, 直到天明.

Đạ mộng bị thử kinh, tỉnh lai bất kiến nhân, chung tiêu phế tẩm, trực đáo thiên minh.

Chuột quấy rầy tan giấc mộng, tỉnh ra chẳng thấy có ai, trằn trọc suốt đêm không ngủ được, mong trời sáng để sang ngày mới.

111. 秋霜肅, 夏日炎, 新花鮮了舊花淹, 世情看冷暖, 逢者不須言.

Thu sương túc, hạ nhật viêm, tân hoa tiên tiển liễu cựu hoa yêm, thế tình khan lãnh noãn, phùng giả bất tu ngôn.

Sương thu ngán lại, trời hạ nóng chang, hoa mới tươi tốt hoa cũ héo tàn, tình đời là vậy, luận bàn chi nữa không nhờ cậy được ai đâu.

112. 未展英雄志, 馳驅不憚勞, 敢將休咎蔔, 西北奪前標.

Vị triển anh hùng chí, trì khu bất đạn lao, cảm tương hưu cửu bạc, tây bắc đoạt tiền tiêu.

Muốn tỏ chí anh hùng, quyết tâm theo đến cùng, thôi đừng xoay sở nữa, Tây bắc mới làm nên.

113. 屢染沈沈, 終日昏昏, 雷門一震, 體健身輕.

A nhiễm trầm trầm, chung nhật hôn hôn, lôi môn nhất chấn, thể kiện thân khinh.

Bệnh dịch lan tràn, suốt ngày u ám, cửa sấm một hướng Đông, thân thể khỏe mạnh.

114. 易非易, 難非難, 忽地起波瀾, 歡笑兩三番.

Dị phi dị, nan phi nan, hốt địa khởi ba lan, hoan tiếu lưỡng tam phan.

Dễ chẳng dễ, khó không khó, dất bỗng nổi sóng gió, cười vui hai ba phen.

115. 路不通, 門閉塞, 謹慎提防, 雲藏月黑.

Lộ bất thông, môn bế tắc, cẩn thận đề phòng, vân tàng nguyệt hắc.

Đường chẳng thông, cửa bế tắc, cẩn thận đề phòng, mây che trăng tối.

116. 蝸角蠅頭利, 而今已變通, 草頭人笑汝, 宜始不宜終.

Oa giác dăng đầu lợi, nhi kim dĩ biến thông, thảo đầu nhân tiếu nhữ, nghi thủy bất nghi chung.

Chỉ là lợi nhỏ như sừng con ốc sên như đầu của con ruồi nhặng, nay đã thông hiểu rồi, đầu cỏ người cười anh, nên đầu nhưng chẳng nên cuối.

117. 珠玉走盤中, 田園定阜豐, 休言謀未遂, 此去便亨通.

Châu ngọc tẩu bàn trung, điền viên định phú phong, hưu ngôn mưu未遂, thử khứ tiện hanh thông.

Châu ngọc chạy vô mâm, ruộng vườn thêm sung túc, đừng nói việc chưa rồi, vận may đến đúng lúc.

118. 月已明, 花再發, 事悠悠, 無不合.

Nguyệt dĩ minh, hoa tái phát, sự du du, vô bất hợp.

Trăng đang sáng, hoa nở thêm, công việc tiến triển, chẳng có gì ngăn.

119. 朦朧秋月映朱門, 林外鳥聲遠寺僧, 自有貴人來接引, 何須巧語似流鶯.

Mông lung thu nguyệt ánh châu môn, lâm ngoại điểu thanh viễn tự tăng, tự hữu quý nhân lai tiếp dẫn, hà tu xảo ngữ tự lưu oanh.

Mơ hồ trăng thu chiếu cửa son, tăng ở chùa xa nghe tiếng chim, có quý nhân giúp đỡ, cần gì trau chuốt nói khéo giọng oanh.

120. 事未寬, 心不安, 疑慮久, 始安然.

Sự vị khoan, tâm bất an, nghi lự cửu, thủy an nhiên.

Việc chưa thấy mở rộng, trong tâm chẳng an, suy tính cho sâu, tự nhiên được việc.

121. 虛名虛位久沈沈, 祿馬當求未見真, 一片彩雲秋後至, 去年風物一時新.

Hư danh hư vị cửu trầm trầm, lộc mã đương cầu vị kiến chân, nhất phiến thể vân thu hậu chí, khứ niên phong vật nhất thời tân.

Không danh không vị đã lâu ngày, danh lợi đang mong chưa được, vầng mây năm sắc sau Thu đến, cảnh cũ nay đã thay mới.

122. 止止止, 有終有始, 似月如花, 守成而已.

Chỉ chỉ chỉ, hữu chung hữu thủy, tự nguyệt như hoa, thủ thành nhi dĩ.

Dừng dừng dừng, có đầu có đầu, tự trăng như hoa, bằng lòng hiện có.

123. 明月全圓, 顏色欣然, 風雲相送, 和合萬年.

Minh nguyệt toàn viên, nhan sắc hân nhiên, phong vân tương tống, hoà hợp vạn niên.

Trăng sáng tròn đầy, màu sắc đẹp tươi, mây gió đưa nhau, muôn năm hòa hợp.

124. 寶鏡新, 照兩人, 心中結, 合同心.

Bảo kính tân, chiếu lưỡng nhân, tâm trung kết, hợp đồng tâm.

Gương báu mới, soi hai người, lòng đã hợp, cùng quyết tâm.

125. 居下不親上, 人心易散離, 事機終失一, 凡百盡成灰.

Cư hạ bất thân thượng, nhân tâm dị tán ly, sự cơ chung thất nhất, phàm bách tận thành hôi.

Người dưới không thân người trên, lòng người càng dễ ly tán, công việc không hợp nhất, trăm thứ thành tro bụi.

126. 兀兀塵埃久待時, 幽窗寂靜有誰知, 若逢青紫人相引, 財利功名自可期.

Ngột ngột trần ai cửu đãi thời, u song tịch tĩnh hữu thủy tri, nhược phùng thanh tử nhân tương dẫn, tài lợi công danh tự khả kỳ.

Đau đầu trần ai chờ đã lâu, bằng lòng số phận mấy ai đâu, may ra gặp được người trên giúp, công danh mới thỏa sự mong cầu.

127. 虎伏在路途, 行人莫亂呼, 路旁須仔細, 災禍自然無.

Hổ phục tại lộ đồ, hành nhân mạc loạn hô, lộ bàng tu tử tế, tai họa tự nhiên vô.

Hổ ẩn bên đường, người đi chẳng nên kêu la loạn xạ, chỉ nên bình tĩnh quan sát kỹ lưỡng hai bên đường, tự nhiên tránh được tai họa.

128. 和不和, 同不同, 翻雲覆雨幾成空, 進退須防終少功.

Hoà bất hoà, đồng bất đồng, phiên vân phúc vũ kỷ thành không, tiến thoái tu phòng chung thiếu công.

Hòa chẳng hòa, đồng không đồng, mây dè mưa chập chày thành không, lui tới nên phòng rốt cuộc không.

129. 東邊事, 西邊成, 風物月華明, 高樓弄笛聲.

Đông biên sự, tây biên thành, phong vật nguyệt hoa minh, cao lâu lộng địch thanh.

Việc bên Đông, thành công bên Tây, cảnh vật đẹp trăng sáng, lầu cao nghe tiếng sáo.

130. 事團圓, 物周旋, 一來一往, 平步青天.

Sự đoàn viên, vật chu toàn, nhất lai nhất vãng, bình bộ thanh thiên.

Việc chu đáo, vật tròn đầy, một đi một đến, vững bước lên mây.

131. 淺水起風波, 平地生荊棘, 言語慮參商, 猶恐無端的.

Thiển thủy khởi phong ba, bình địa sanh kinh cức, ngôn ngữ lự sâm thương, do khủng vô đoan đích.

Nước cạn dậy sóng gió, đất bằng sinh gai chông, lời lẽ chia hai nẻo, nên sợ chẳng thuận dòng.

132. 秋月雲開後, 薰風雨過時, 若逢楚國舊知己, 等閒一薦不須疑.

Thu nguyệt vân khai hậu, huân phong vũ quá thời, nhược phùng Sở quốc cựu tri kỷ, đẳng nhàn nhất tiến bất tu nghi.

Trăng thu mây hết che, mưa tạnh gió ấm thổi, nếu gặp cố tri nơi đất khách, nhờ người tiến dẫn chẳng hồ nghi.

133. 心已定, 事何憂, 金鱗已上鉤, 功名一網收.

Tâm dĩ định, sự hà ưu, kim lân dĩ thượng câu, công danh nhất võng thu.

Tâm đã định, việc không phải lo gì, vảy vàng câu đã kéo lên, công danh thu đầy một lưới.

134. 意迷己不迷, 事寬心不寬, 要知端的信, 猶隔兩重山.

Ý mê kỷ bất mê, sự khoan tâm bất khoan, yếu tri đoan đích tín, do cách lưỡng trùng sơn.

Ý mê ta chẳng mê, việc rộng lòng không rộng, phải ráng chờ nghe tin chính xác, bởi vì đang ở cách xa ta.

135. 笑中生不足, 內外見愁哭, 雲散月光輝, 轉禍當成福.

Tiểu trung sanh bất túc, nội ngoại kiến sầu khóc, vân tán nguyệt quang huy, chuyển họa đương thành phúc.

Trong cười sinh chưa đủ, trong ngoài thấy sầu khóc, mây tan trăng sáng rồi, đang chuyển họa thành phúc.

136. 簷前鵲噪正翩翩, 憂慮全消喜自然, 一人進了一人退, 下梢還有好姻緣.

Thềm tiền thước tảo chính phiên phiên, ưu lự toàn tiêu hỉ tự nhiên, nhất nhân tiến liễu nhất nhân thoái, hạ tiêu hoàn hữu hảo nhân duyên.

Chim khách vù vù bay trước thềm, lo lắng mất đi tự nhiên vui, một tiến một lùi người khác tính, sau rồi cũng nên gia thất.

137. 荊棘生平地, 風波起四方, 倚欄惆悵望, 無語對斜陽.

Kinh cúc sanh bình địa, phong ba khởi tứ phương, y lan trừ trường vọng, vô ngữ đối tà dương.

Đất bằng mọc cây gai, sóng gió dậy bốn phương, dựa cột buồn chờ đợi, chẳng nói gì trước cảnh tà dương.

138. 謀已定, 事何憂, 照月上重樓, 雲中客點頭.

Mưu dĩ định, sự hà ưu, chiếu nguyệt thượng trùng lâu, vân trung khách điểm đầu.

Mưu đã định, việc không phải lo gì, trăng chiếu soi lầu cao, trong mây khách vái chào.

139. 奇奇奇, 地利與天時, 燈花傳信後, 動靜總相宜.

Kì kì kì, địa lợi dữ thiên thời, đăng hoa truyền tín hậu, động tĩnh tổng tương nghi.

Lạ lạ lạ, địa lợi và thiên thời, hoa đèn truyền tín hiệu, động tĩnh cả hai đều nên.

140. 遇不遇, 逢不逢, 月沈海底, 人在夢中.

Ngộ bất ngộ, phùng bất phùng, nguyệt trầm hải đế, nhân tại mộng trung.

Không gặp gỡ, chẳng gần nhau, trăng chìm đáy nước, người trong giấc mộng.

141. 暗中防霹靂, 猜慮渾無實, 轉眼黑雲收, 擁出扶桑日.

Âm trung phòng tích lịch, sai lự hồn vô thực, chuyển nhãn hắc vân thu, ủng xuất phù tang nhật.

Trong tối ngừa sấm sét, đoán nhầm sự thực, chớp mắt mây đen tan, mặt trời đang xuất hiện.

142. 利在中邦出戰時, 一番獲饋在王庭, 鳳銜丹詔歸陽畔, 得享佳名四海榮.

Lợi tại trung bang xuất chiến thời, nhất phiên hoạch quỹ tại vương đình, phượng hàm đan chiếu qui dương bạng, đắc hưởng giai danh tứ hải vinh.

Lợi ở nước đứng giữa khi có chiến tranh, một phen đem đồ vật biểu xén chôn cung vua, chim phượng ở Hàm Đan truyền chiếu chỉ đến đất Dương Quy, hưởng được tiếng tốt khắp bốn biển.

143. 堪歎外邊憂, 更嗟門裏鬧, 意緒更牽纏, 心神亦顛倒.

Kham thán ngoại biên ưu, cánh ta môn lí náo, ý tự cánh khiến triền, tâm thần diệc điên đảo.

Đang lo rầu chuyện bên ngoài, nào ngờ trong nhà động, ý vương vẫn lo phiền, tâm thần cũng điên đảo.

144. 一重山一重水, 風波道坦然, 壺中有別天.

Nhất trùng sơn nhất trùng thủy, phong ba đạo thản nhiên, hồ trung hữu biệt thiên.

Lớp lớp non trùng trùng nước, đường sóng gió vẫn an nhiên, trong bình kín có trời riêng.

145. 遇險不須憂, 風波何足忌, 若遇草頭人, 咫尺青雲路.

Ngộ hiểm bất tu ưu, phong ba hà túc kị, nhược ngộ thảo đầu nhân, chỉ xích thanh vân lộ.

Gặp hiểm chẳng nên lo, sóng gió không đủ kỵ, nếu gặp người đầu cỏ, thoáng chốc thuận đường mây (Chỉ: thước, nhà Chu định tám tấc gọi là một chỉ. Xích: thước, mười tấc là một thước).

146. 船棹中流急, 花開春又離, 事寧心不靜, 惹起許多疑.

Thuyền trạo trung lưu cấp, hoa khai xuân hựu ly, sự ninh tâm bất tĩnh, nặc khởi hứa đa nghi.

Thuyền bơi trong dòng gấp, hoa nở Xuân lại lìa, việc an tâm chẳng vững, khởi lên ý hồ nghi.

147. 可蓄可儲, 片玉寸珠, 停停穩穩, 前遇良圖.

Khả súc khả trữ, phiến ngọc thốn châu, đình đình ổn ổn, tiền ngộ lương đồ.

Có thể thu vào hay phát ra, tấc châu mảnh ngọc, an tâm cất bước mà lo liệu, trước mắt cơ đồ tốt.

148. 小子早趨庭, 青雲久問程, 貴人來助力, 花謝子還成。

Tiểu tử tảo xu đình, thanh vân cử vấn trình, quý nhân lai trợ lực, hoa tạ tử hoàn thành.
Con cái sớm đi trước sân, hỏi han người, được quý nhân giúp đỡ, con cái mới làm nên.

149. 一心兩事, 一事兩心, 新花枯樹, 直待交春。

Nhất tâm lưỡng sự, nhất sự lưỡng tâm, tân hoa khô thụ, trực đãi giao xuân.
Một tâm hai việc, một việc hai tâm, hoa mới cây khô, thẳng chờ Xuân đến.

150. 大事恐難圖, 心疲力已竭, 殘花不再鮮, 破鏡難重圓。

Đại sự khủng nan đồ, tâm bì lực dĩ kiệt, tàn hoa bất tái tiển, phá kính nan trọng viên.
Việc lớn khó thành, lòng tim kiệt đã cạn, hoa tàn chẳng thể xanh tươi lại, phá vỡ gương khó giữ tròn.

151. 莫道事無訛, 其中進退多, 桂輪圓又缺, 光彩更揩磨。

Mạc đạo sự mô vô ngoa, kỳ trung tiến thoái đa, quế luân viên hựu khuyết, quang thái cánh giai ma.
Đừng nói việc chạy đều, bên trong tiến thoái nhiều, trăng đang tròn bị khuyết, vầng sáng bị mài bớt.

152. 莫歎事遲留, 休言不到頭, 長竿終入手, 一釣上金鉤。

Mạc thán sự trì lưu, hưu ngôn bất đáo đầu, trường can chung nhập thủ, nhất điều thượng kim câu.
Chớ than sao việc chậm, đừng nói không tới nơi, trong tay gậy dài nắm, một cần buông câu được cá.

153. 事稱應有忌, 未為恐先躋, 欲往且遲遲, 還須借勢力。

Sự xưng ưng hữu kỵ, vị vi khủng tiên chí, dục vãng thả trì trì, hoàn tu tá thể lực.
Việc nào cũng có khó, chưa làm sao ngại sợ, muốn vượt khỏi khó khăn, phải cậy người giúp đỡ.

154. 足不安, 輿不安, 兩兩事相得, 憂來卻又歡。

Túc bất an, dư bất an, lưỡng lưỡng sự tương đắc, ưu lai khước hựu hoan.
Mình không an, dư luận không an, hai việc cùng nhau tạo khó khăn, buồn đi thì đến lúc hân hoan.

155. 鼎折足, 車脫輻, 有貴人, 重整續。

Đỉnh chiết túc, xa thoát phúc, hữu quý nhân, trùng chỉnh tục.
Đỉnh gãy chân, xe sút trục, có quý nhân, đến giúp chỉnh lại.

156. 參詳言語, 波濤揚沸, 事久無傷, 時間不利。

Tham tường ngôn ngữ, ba đào dương phí, sự cửu vô thương, thời gian bất lợi.
Thấu rõ lời nói, sóng gió nổi cao, việc lâu không hại, lâu ngày bất lợi.

157. 貴客自相親, 功名唾手成, 獲金須積德, 仰望太陽升。

Quý khách tự tương thân, công danh thoả thủ thành, hoạch kim tu tích đức, ngưỡng vọng thái dương thăng.
Khách quý tự đến kết thân, công danh được vững bền, được vàng tích đức, ngửa mặt trông mặt trời lên.

158. 平地起波瀾, 所求事日難, 笑談終有忌, 同心事覺歡。

Bình địa khởi ba lan, sở cầu sự nhật nan, tiếu đàm chung hữu kỵ, đồng tâm sự giác hoan.
Đất bằng nổi sóng dữ, việc hỏi đang gặp khó, nói vui là đang ngại, đoàn kết việc sẽ nên.

159. 狂風吹起墨雲飛, 月在天心遮不得, 閒時無事暫相關, 到底依然無克剝。

Cuồng phong xuy khởi mặc vân phi, nguyệt tại thiên tâm già bất đắc, nhàn thời vô sự tạm tương quan, đáo để y nhiên vô khắc lức.
Gió cuồng thổi dạt đám mây mù, trăng giữa trời cao há khỏi lu, lúc nhàn suy nghĩ tìm phương giúp, sau rồi thông chẳng khắc thù.

160. 人倚樓, 許多愁, 澹然進步, 事始無憂。

Nhân y lâu, hứa đa sầu, đạm nhiên tiến bộ, sự thủy vô ưu.
Người dựa lâu, đang đau sầu, bỗng nhiên thay đổi, hết lo âu.

161. 一點著陽春, 枯枝朵朵新, 志專方遇合, 切忌二三心。

Nhất điểm trước dương xuân, khô chi đoá đoá tân, chí chuyên phương ngộ hợp, thiết kỵ nhị tam tâm.
Một điểm hướng gió Xuân, cành khô này chồi mới, tập trung vào công việc, tránh đừng bị phân tâm.

162. 道路迢遙, 門庭閉塞, 霧擁去兮, 雲開見日。

Đạo lộ điều dao, môn đình bế tắc, vụ ủng khứ hề, vân khai kiến nhật.
Đường đi xa xôi, cửa nhà bế tắc, sương mù che khuất lối đi, trời trong rõ mặt tức thì mây tan.

163. 魚上鉤, 絲綸弱, 收拾難, 力再著.

Ngư thượng câu, ti luân nhược, thu thập nan, lực tái trước.
Muốn câu cá, ngại dây yếu, thu vào khó được, cần thêm sức.

164. 相引更相牽, 殷勤喜自然, 施為無不利, 愁事轉團圓.

Tương dẫn cánh tương khiên, ân cần hỉ tự nhiên, thi vi vô bất lợi, sầu sự chuyển đoàn viên.
Giúp người được người giúp, lẽ đời như thế thôi, quá so đo không tốt, làm phải ắt được lành.

165. 疑疑疑, 一番笑罷一番悲, 落紅滿地無人掃, 獨對西風悵黛眉.

Nghi nghi nghi, nhất phiên tiếu bãi nhất phiên bi, lạc hồng mãn địa vô nhân sảo, độc đối tây phong trướng đại mi.

Chớ hồ nghi chớ hồ nghi, hết cười đến khóc lẽ đời suy, lá rơi đầy đất không ai quét, nhìn gió Tây chau mày những bất bình.

166. 上下不和同, 勞而未有功, 出門通大道, 從此保初終.

Thượng hạ bất hoà đồng, lao nhi vị hữu công, xuất môn thông đại đạo, tùng thử bảo sơ chung.
Trên dưới chẳng hòa nhau, mệt sức được gì đâu, tách ra đi đường lớn, giữ kết quả cho mình.

167. 大事可成功, 有益還無咎, 雲中執鞭人, 報在三秋後.

Đại sự khả thành công, hữu ích hoàn vô cữu, vân trung chấp tiên nhân, báo tại tam thu hậu.
Việc lớn có thể thành, kết quả nhưng không bền, tiên nhân cầm roi trong mây, sau "Ba thu" mới có kết quả.

168. 桑榆催暮景, 缺月恐難圓, 若遇刀錐客, 方知喜自然.

Tang du thôi mộ cảnh, khuyết nguyệt khủng nan viên, nhược ngộ đao chủy khách, phương tri hỉ tự nhiên.
Tuổi già sức đã yếu rồi (Thành ngữ "tang du mộ cảnh" (bóng ngả cảnh dâu) để chỉ tuổi đã xế chiều), giống như trăng khuyết đã với khó đầy, nếu gặp kiếm khách, mới mong tính mệnh được dài thêm ra.

169. 遍書前後事, 艱險往來難, 若得清風便, 扁舟過遠山.

Biến thư tiền hậu sự, gian hiểm vãng lai nan, nhược đắc thanh phong tiện, thiên châu quá viễn sơn.
Các sách đều nói rõ, kẻ gian khó được toàn, nếu may gặp gió mát, đẩy thuyền đến chỗ an.

170. 莫歎殘花, 花開枯樹, 屋頭春意, 喜笑嘻嘻.

Mạc thán tàn hoa, hoa khai khô thụ, ốc đầu xuân ý, hỉ tiếu hi hi.
Chớ than hoa tàn, cây khô hoa trổ, Xuân ở đầu nhà, vui cười hi hi.

171. 一事總成空, 一事還成喜, 若遇口邊人, 心下堪憑委.

Nhất sự tổng thành không, nhất sự hoàn thành hỉ, nhược ngộ khẩu biên nhân, tâm hạ kham bằng uỷ.
Một việc thành vô vọng, một việc thoả lòng mong, nếu gặp người lăm chuyện, e khó gởi nổi lòng.

172. 欲得月中兔, 須憑桃李拂, 高山來接引, 雙喜照雙眉.

Dục đắc nguyệt trung thố, tu bằng đào lý phất, cao sơn lai tiếp dẫn, song hỉ chiếu song mi.
Muốn được thỏ trong trăng, nương theo đào lý hương nồng gió đưa, núi cao đến tiếp dẫn, hai niềm vui chiếu hai mắt.

173. 事遂勿憂煎, 春風喜自然, 更垂三尺鉤, 得意獲鱗鮮.

Sự toại vật ưu tiễn, xuân phong hỉ tự nhiên, cánh thủy tam xích câu, đắc ý hoạch lân tiễn.
Sự thành vật tươi tốt, gió Xuân vui tự nhiên, buông cần xuống vực sâu hơn, đắc ý bắt được cá to.

174. 圓又缺, 缺又圓, 低低密密要周旋, 時來始見緣.

Viên hựu khuyết, khuyết hựu viên, đề đề mật mật yếu chu tuyề, thời lai thủy kiến duyên.
Tròn lại khuyết, khuyết lại tròn, hiểu cho sâu mật lẽ tuần hoàn, thời đến duyên may khỏi lo toan.

175. 乘病馬, 上危坡, 防失跌, 見蹉跎.

Thừa bệnh mã, thượng nguy pha, phòng thất trật, kiến tha đà.
Cỡi ngựa bệnh, lên bờ cao, phòng ngã té, uống công lao.

176. 兩事已和同, 輕舟遇便風, 道迷人得意, 歌唱急流中.

Lưỡng sự dĩ hoà đồng, khinh châu ngộ tiện phong, đạo mê nhân đắc ý, ca xướng cấp lưu trung.

Hai việc đã hòa đồng, thuyền nhẹ gặp gió thông, đường lầm nhưng được ý thành, cười vui ca hát yên lành ngoài khơi.

177. 白玉蒙塵, 黃金埋土, 久久光輝, 也須人舉.

Bạch ngọc蒙 trần, huỳnh kim mai thổ, cửu cửu quang huy, dã tu nhân cử.

Bụi phủ ngọc trắng, vàng ở dưới đất, vật báu phát sáng, là do người tiến cử.

178. 上接不穩, 下接不和, 相纏相擾, 平地風波.

Thượng tiếp bất ổn, hạ tiếp bất hoà, tương triền tương nhiễu, bình địa phong ba.

Trên coi thường dưới, dưới chẳng nhường trên, náo phiên rắc rối, đất bằng gió lên.

179. 背後笑嘻嘻, 中行道最宜, 所求終有望, 不必皺雙眉.

Bối hậu tiểu hi hi, trung hành đạo tối nghi, sở cầu chung hữu vọng, bất tất trứ song mi.

Sau lưng cười hi hi, lối trung đạo nên theo, việc cầu là chắc được, hà tất mặt mày nhăn.

180. 憔悴無人問, 林間聽杜鵑, 一聲山月笛, 千里淚涓涓.

Tiêu tụy vô nhân vấn, lâm gian thính đỗ quyên, nhất thanh sơn nguyệt địch, thiên lý lệ quyên quyên.

Tiêu tụy không người hỏi, trong rừng nghe tiếng chim quyên, nghe tiếng sáo núi thổi, ngàn dặm khóc triền miên.

181. 菱荷香裏受深恩, 桂魄圓時印綬新, 從此威名山嶽重, 光輝直上位絲綸.

Lăng hà hương lí thụ thâm ân, quế phách viên thời ấn thụ tân, tòng thử uy danh sơn nhạc trọng, quang huy trực thượng vị ti luân.

Thụ hưởng ân sâu mùi thơm của sen và củ ấu, lúc bóng cây quế tròn thì ấn và dây mũ đổi mới, từ đó uy danh của núi non được xem nặng, ánh sáng thẳng lên vị trí của mỗi giềng sợi tơ. (ý nói từ khi ra làm quan, gặp được minh chúa, trở thành tôi hiền, làm rạng rỡ uy danh của nhà vua)

182. 花落正逢春, 行人在半程, 事成還不就, 索絆兩三旬.

Hoa lạc chính phùng xuân, hành nhân tại bán trình, sự thành hoàn bất tựu, sách bán lưỡng tam tuần.

Hoa rụng gặp ngay Xuân, người đi mới nửa đường, việc thành lại chẳng đạt, trối buộc vài ba tuần.

183. 欲行還止, 徘徊不已, 動搖莫強, 得止且止.

Dục hành hoàn chỉ, bồi hồi bất dĩ, động dao mạc cưỡng, đắc chỉ thả chỉ.

Muốn đi lại dừng, hoang mang chẳng thôi, đừng miễn cưỡng hành động, được dừng cứ dừng.

184. 心下事安然, 周旋尚未全, 逢龍還有吉, 人月永團圓.

Tâm hạ sự an nhiên, chu tuyền thượng vị toàn, phùng long hoàn hữu cát, nhân nguyệt vĩnh đoàn viên.

Dưới tâm việc an nhiên, trở về việc chưa xong, gặp rồng mới được tốt, người trăng mãi đoàn viên.

185. 夢裏說關山, 波深下釣難, 利名終有望, 目下未開顏.

Mộng lý thuyết quan san, ba thâm hạ điếu nan, lợi danh chung hữu vọng, mục hạ vị khai nhan.

Mộng mơ bàn việc nước non, ngư ông còn ngại sóng cồn buông câu, lợi danh như được sở cầu, ngày sau mở mặt công hầu đồn vang.

186. 三箭開雲路, 營求指日成, 許多閑口語, 翻作笑歌聲.

Tam tiễn khai vân lộ, doanh cầu chỉ nhật thành, hứa đa nhàn khẩu ngữ, phiên tác tiểu ca thanh.

Ba mũi tên mở đường mây, điều mong mỗi chỉ một vài ngày là thành, thôi đừng than thở nữa, chuyển sang ca hát đi.

187. 休眷戀, 誤前程, 終鬧亂, 出門庭.

Hưu quyến luyến, ngộ tiền trình, chung náo loạn, xuất môn đình.

Thôi đừng quyến luyến, kéo lỡ cuộc hành trình, rốt cuộc cũng náo loạn, phải ra đi thôi.

188. 萬里波濤靜, 一天風月閑, 利名無阻隔, 行路出重關.

Vạn lý ba đào tĩnh, nhất thiên phong nguyệt nhàn, lợi danh vô trở cách, hành lộ xuất trùng quan.

Ngàn dặm sóng gió êm, một trời trăng gió thuận, lợi danh không cách trở, đường đi ra nhiều nẻo.

189. 渴望梅, 畫餅, 漫勞心, 如捉影, 遇虎龍, 方可省.

Khát vọng mai, hoạ bính, mạn lao tâm, như tróc ảnh, ngộ hổ long, phương khả tỉnh.
Thèm khát trái mai (mơ), bánh vẽ, uống phí tâm, như bắt bóng, gặp rỗng cạp, mới chịu tỉnh.

190. 事迷心不迷, 事寬心不寬, 一場歡喜會, 不久出重關。

Sự mê tâm bất mê, sự khoan tâm bất khoan, nhứt trường hoan hỉ hội, bất cửu xuất trùng quan.
Dù việc lỗi lầm tâm vẫn an, lòng hay xét nét, việc thư nhàn, một lòng vui vẻ cùng sum họp, chẳng bao lâu nữa là qua quan ải.

191. 夜半渡無船, 驚濤恐拍天, 月斜雲淡處, 音信有人傳。

Dạ bán độ vô thuyền, kinh đào khủng phách thiên, nguyệt tà vân đạm xứ, âm tín hữu nhân truyền.
Nửa đêm không thuyền qua, sợ sóng phủ ngập trời, trăng tà mây nhạt phủ, tin tức có người truyền.

192. 事若羈留, 人不出頭, 往來閉塞, 要見無有。

Sự nhược ky lưu, nhân bất xuất đầu, vãng lai bế tắc, yếu kiến vô hữu.
Việc nếu buộc ràng, không nên xuất hiện, lại qua bế tắc, cần thấy không thấy.

193. 萬里片帆轉, 波平浪不驚, 行行無阻滯, 遠處更通津。

Vạn lý phiến phàm chuyển, ba bình lãng bất kinh, hành hành vô trở trệ, viễn xứ cánh thông tân.
Cánh buồm đi muôn dặm, sóng lặng chẳng hãi kinh, việc đi không trở ngại, an toàn đến bến xa.

194. 身曆驚濤, 東風便好, 太平身退, 目下還早。

Thân lịch kinh đào, đông phong tiện hảo, thái bình thân thoái, mục hạ hoàn tảo.
Bản thân trải muôn sóng gió, gió Đông thổi muôn phần thanh thới, thái bình thì cáo lão, vui hưởng cuộc đời thông dong.

195. 鶴自雲中出, 人從月下歸, 新歡盈臉上, 不用皺雙眉。

Hạc tự vân trung xuất, nhân tùng nguyệt hạ qui, tân hoan doanh kiếm thương, bất dụng trứu song mi.
Hạc trong mây ra, người theo trăng về, vui tươi trên vẻ mặt, nào có chi nhăn mày.

196. 深潭魚可釣, 幽谷鳥可羅, 只用久長心, 不用生疑惑。

Thâm đàm ngư khả điều, u cốc điểu khả la, chỉ dụng cửu trường tâm, bất dụng sanh nghi hoặc.
Đầm sâu câu được cá, hang sâu chim hợp đàn, nên dùng tâm bình thản, đừng lo sợ nghi nan.

197. 進不安, 退不可, 上下相從, 明珠一顆。

Tiến bất an, thoái bất khả, thượng hạ tương tùng, minh châu nhất khoáng.
Tiến chẳng an, lui chẳng được, trên dưới một lòng, được hột minh châu.

198. 著著占先機, 其中路不迷, 目前無合意, 乍免是非。

Trước trước chiếm tiên cơ, kỳ trung lộ bất mê, mục tiền vô hợp ý, sạ miễn thị hoà phi.
Mau nắm lấy thời cơ, đường đi không sai đâu, tuy hiện nay chưa hợp, đừng màng tiếng thị phi.

199. 雀噪高枝上, 行人古渡頭, 半途不了事, 日暮轉生愁。

Tước táo cao chi thượng, hành nhân cổ độ đầu, bán đồ bất liễu sự, nhật mộ chuyển sanh sầu.
Chim sẻ đậu cành cao, người đi qua bến cũ, nửa đường chẳng biết việc, xế chiều sinh chuyện buồn.

200. 鑿石得玉, 淘沙得珠, 眼前目下, 何用躊躇。

Tạc thạch đắc ngọc, đào sa đắc châu, nhãn tiền mục hạ, hà dụng trù trừ.
Đẻo đá được ngọc, khoét cát được châu, vận tốt đến rồi, chần chờ gì nữa.

201. 無端風雨催春去, 落盡枝頭桃李花, 桃畔有人歌且笑, 知君心事亂如麻。

Vô đoan phong vũ thôi xuân khứ, lạc tận chi đầu đào lí hoa, đào bần hữu nhân ca thả tiếu, tri quân tâm sự loạn như ma.
Không có lý do mà gió mưa đẩy mùa Xuân đi, hoa đào hoa lí rụng hết ở đầu cành, trong khóm đào có người cười vui ca hát, biết anh đang có tâm sự rối bời bời.

202. 閨苑一時春, 庭前花柳新, 聲傳好消息, 草木盡欣欣。

Lăng uyển nhất thời xuân, đình tiền hoa liễu tân, thanh truyền hảo tín tức, thảo mộc tận hân hân.
Vườn rộng bát ngát ở mùa Xuân, trước sân hoa liễu mới, tiếng truyền tin tức tốt, cây cỏ rất vui mừng.

203. 門外事重疊, 陰人多遇合, 賢女雖助巧, 渺渺終難洽。

Môn ngoại sự trùng điệp, âm nhân đa ngộ hợp, hiền nữ tuy trợ xảo, diểu diểu chung nan hiệp.

Ngoài cửa việc trùng điệp, người nữ gặp gỡ nhiều, hiền nữ tuy khéo giúp, xa xôi khó hiệp nhau.

204. 事有喜, 面有光, 終始好商量, 壺中日月長.

Sự hữu hỉ, diện hữu quang, chung thủy hảo thương lượng, hồ trung nhật nguyệt trường.
Việc có mừng, mặt có sáng, trước sau có sự bàn bạc, trong bình (rượu) được thành thời ngày tháng.

205. 暗去有明來, 憂心事可諧, 終須成一笑, 目下莫疑猜.

Ám khứ hữu minh lai, ưu tâm sự khả hài, chung tu thành nhất tiếu, mục hạ mạc nghi sai.
Nơi tối có sáng đến, tâm lo việc sẽ yên, cuối cùng thành vui vẻ, dưới mắt chẳng hề sai.

206. 寶鏡無塵染, 金貂已剪裁, 也逢天意合, 終不惹塵埃.

Bảo kính vô trần nhiễm, kim貂 dĩ剪裁, dã phùng thiên ý hợp, chung bất nhạ trần ai.
Kính báu không nhiễm bụi, quyền uy (chuột vàng) được sắp xếp, đã hợp với thiên ý, không sợ dính bụi.

207. 和合事, 笑談成, 喜音在半程, 平步踏青雲.

Hoà hợp sự, tiếu đàm thành, hỉ âm tại bán trình, bình bộ đạp thanh vân.
Việc được hòa hợp, cười nói thành công, tin mừng vui đang đến, vững bước lên thang mây.

208. 花殘月缺, 鏡破釵分, 休來休往, 事始安寧.

Hoa tàn nguyệt khuyết, kính phá thoa phân, hưu lai hưu vãng, sự thuỷ an ninh.
Hoa tàn trăng khuyết, gương vỡ trâm gãy, chờ qua thời gian nữa, sau việc được yên ổn.

209. 門外好音來, 生涯應有慶, 名利有更遷, 雁行終折陣.

Môn ngoại hảo âm lai, sinh nhai ưng hữu khánh, danh lợi hữu cánh thiên, nhạn hành chung chiết trận.
Ngoài cửa có tin vui, việc sinh nhai có sự tốt đẹp, danh lợi có biến chuyển, cuối cùng nhạn bay bị gãy cánh.

210. 萬里好江山, 風沙盡日間, 已吞鉤上餌, 何必遇波瀾.

Vạn lý hảo giang sơn, phong sa tận nhật gian, dĩ thôn câu thượng nhĩ, hà tất ngộ ba lan.
Muôn dặm sông núi tốt, cả ngày bị gió cát, đã ăn mồi lưỡi câu, có sao gặp sóng gió.

211. 雙燕銜書舞, 指日一齊來, 寂寞淹留客, 從茲下釣台.

Song yến hàm thư vũ, chỉ nhật nhất tề lai, tịch mịch yêm lưu khách, tùng tư hạ điếu đài.
Đôi én ngậm thư múa, một ngày tất cả xong, nơi vắng giữ hành khách, theo ý chỗ buông câu.

212. 望去幾重山, 高深漸可攀, 舉頭天上看, 明月在人間.

Vọng khứ kỷ trùng sơn, cao thâm tiệm khả phan, cử đầu thiên thượng khán, minh nguyệt tại nhân gian.
Người đi mấy núi trông theo, cao sâu cũng ráng leo trèo đến nơi, ngẩng đầu nhìn thấy bầu trời, trăng đang chiếu sáng rạng ngời nhân gian.

213. 用之則行, 舍之則藏, 一騎出重關, 佳音咫尺間.

Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, nhất kỵ xuất trùng quan, giai âm chỉ xích gian.
Dùng được thì lấy, không dùng thì cất đi, một lần cỡi ngựa qua hai ải, tin tốt nay mai sẽ đến thôi.

214. 積德施功有子孫, 牛祭神及西鄰, 功名兩字成全日, 回首山河萬物新.

Tích đức thi công hữu tử tôn, ngưu tế thần cập tây lân, công danh lưỡng tự thành toàn nhật, hồi thủ sơn hà vạn vật tân.
Ráng làm công đức cho con cháu, trâu tế thần ở ấp Tây rồi, hai chữ công danh ắt có ngày thành, quay đầu thấy sông núi vạn vật đổi mới.

215. 安坦路平夷, 雲中一雁飛, 桃花逢驟雨, 水畔女頻啼.

An坦然 bình dị, vân trung nhất nhạn phi, đào hoa phùng sậu vũ, thủy bần nữ tần đề.
Đường bằng an ổn đi, trong mây một nhạn bay, hoa đào gặp mưa dập, bờ nước gái thở than.

216. 門內起干戈, 親仇兩不和, 朱衣臨日月, 始覺笑呵呵.

Môn nội khởi can qua, thân cừ lưỡng bất hoà, châu y lâm nhật nguyệt, thuỷ giác tiếu ha ha.
Trong cửa khởi can qua, họ hàng tàn hại nhau, áo đỏ vào trời đất, mới biết cười ha ha.

217. 有一人, 獲一鹿, 事團圓, 門外索.

Hữu nhất nhân, hoạch nhất lộc, sự đoàn viên, môn ngoại sách.

Có một người, thu hoạch một con nai, việc tròn đầy, ngoài cửa đòi hỏi.

218. 汝往無攸利, 花開又及秋, 嚴霜物薦至, 退步不存留.

Nhữ vãng vô du lợi, hoa khai hựu cập thu, nghiêm sương vật tiến chí, thoái bộ bất tồn lưu.

Anh đi không thu được lợi, hoa nở lại gặp mùa Thu, sương mạnh vật dâng đến, lui về chẳng còn chi.

219. 新月為鉤, 清風作線, 舉網煙波, 錦鱗易見.

Tân nguyệt vi câu, thanh phong tác tuyến, cử võng yên ba, cẩm lân dị kiến.

Trăng mới là móc câu, gió mát là sợi dây, cất lưới trong khói sóng, dễ tìm thấy vảy cá đẹp.

220. 先關鎖, 續提防, 小節不知戒, 因循成大殃.

Tiên quan toả, tục đề phòng, tiểu tiết bất tri giới, nhân tuần thành đại ương.

Cửa ải trước khóa, tiếp tục đề phòng, nếu không biết giữ gìn tiểu tiết, thì sẽ thành họa lớn.

221. 燕語鶯啼, 花開滿院, 倚欄春睡覺, 無語歛愁顏.

Yến ngữ oanh đề, hoa khai mãn viện, y lan xuân thụy giác, vô ngữ liễm sầu nhan.

Én kêu oanh hót, hoa nở đầy nhà, tựa lan can tỉnh giấc Xuân, không nói mặt buồn bã.

222. 勞心勞心, 勞心有成, 清風借力, 歡笑前程.

Lao tâm lao tâm, lao tâm hữu thành, thanh phong tá lực, hoan tiếu tiền trình.

Bao phen lao tâm, sự việc mới thành, gió mát giúp sức, cười vui tiền trình.

223. 進步且徘徊, 春風柳絮吹, 水邊行客倦, 枕畔有憂懷.

Tiến bộ thả bồi hồi, xuân phong liễu絮 xuy, thủy biên hành khách倦, chẩm畔 hữu ưu hoài.

Bước tới lại bồi hồi, gió xuân thổi tơ liễu, bên sông khách mệt mỏi, tựa gối dạ u hoài.

224. 玉石猶終昧, 那堪小悔多, 終無咎, 笑呵呵.

Ngọc thạch do chung muội, na kham tiểu hối đa, chung vô cữu, tiếu ha ha.

Không phân biệt được ngọc hay đá là do mê muội, việc đó khiến hối tiếc về sau, nhưng cuối cùng, sẽ cười ha ha.

225. 垂翼遙天去, 皆因避難行, 一途經濟意, 又是滿園春.

Thùy dực dao thiên khứ, giai nhân tị nan hành, nhất đồ kinh tế ý, hựu thị mãn viên xuân.

Cánh nào bay đến trời xa, đều do lánh nạn thoát qua hiểm nghèo, nổi lên sự sợ hãi, giờ đây chỉ thấy Xuân theo đầy nhà.

226. 佳信至, 開笑顏, 飛騰一去, 撥雲上天.

Giai tín chí, khai tiếu nhan, phi đằng nhất khứ, bát vân thượng thiên.

Tín mừng đến, nở nụ cười, một phen bay mạnh, đẩy mây lên trời.

227. 青氈空守舊, 枝上巢生風, 莫為一時喜, 還疑此象凶.

Thanh chiêm không thủ cựu, chi thượng巢 sinh phong, mạc vị nhất thời hỉ, hoàn nghi thủ tượng hung.

Cái chăn màu xanh trống như cũ, ổ trên cây sanh gió, đừng bảo đến lúc vui, vẫn là thời vận xấu.

228. 莫言荊棘惡, 終為鸞鳳棲, 目前應有待, 何用早躊躇.

Mạc ngôn kinh cức ác, chung vi loan phượng thê, mục tiền ứng hữu đãi, hà dụng tảo trừ trừ.

Chớ bảo gai chông khó, sau cũng hợp phượng loan, trước mắt tuy có nạn, đừng lo sớm làm gì.

229. 上下和, 憂愁決, 千嶂雲, 一輪月.

Thượng hạ hoà, ưu sầu quyết, thiên chương vân, nhất luân nguyệt.

Trên dưới hòa thuận, lo sầu giải quyết qua, ngàn mây che phủ, trăng vẫn tròn đầy.

230. 玉出昆岡石, 舟離古渡灘, 行藏終有望, 用舍不為難.

Ngọc xuất côn cương thạch, châu ly cổ độ滩, hành tàng chung hữu vọng, dụng xả bất vi nan.

Tìm ngọc trong khối đá, thuyền lìa bến cũ đi, việc làm có kết quả, nghĩ kỹ chẳng lo gì.

231. 目下意難舒, 有客來徐徐, 金車雖歷險, 吝必有終與.

Mục hạ ý nan thư, hữu khách lai từ từ, kim xa tuy lịch hiểm, lận tất hữu chung dữ.

Dưới mắt ý không thoải mái, có khách đến từ từ, xe vàng tuy trải qua nhiều nguy hiểm, có tiếc giữ rồi thì cũng hết mà thôi.

232. 可以寄, 可以托, 事遲遲, 無舛錯.

Khả dĩ kí, khả dĩ thác, sự trì trì, vô suyễn thác.

Có thể gửi, có thể giao, việc chậm rãi, không lằm lằm.

233. 恐懼憂煎, 皆在目前, 若逢明鑒, 指破空傳.

Khủng cụ ưu tiên, giai tại mục tiền, nhược phùng minh giám, chỉ phá không truyền.

E rằng phải lo lắng, sầu khổ buồn bã xảy ra trước mắt mà thôi, nếu được người chỉ bảo cho thì có thể phá vỡ lời đồn nhảm nhí.

234. 月掩雲間, 昏迷道路, 雲散月明, 漸宜進步.

Nguyệt yểm vân gian, hôn mê đạo lộ, vân tán nguyệt minh, tiệm nghi tiến bộ.

Trăng bị mây che, tối tăm đường, mây tan trăng hiện, lần lần tiến bộ.

235. 道路狂招呼, 風波一點無, 時乖心緒亂, 全仗貴人扶.

Đạo lộ cuồng chiêu hô, phong ba nhất điểm vô, thời quai tâm tự loạn, toàn trượng quý nhân phù.

Trên đường sợ la hoảng, có sóng gió chi đâu, lúc rối tâm tự loạn, nhờ cậy quý nhân giúp.

236. 臨淵放鉤, 清絕點埃, 巨鼈隨得, 不用疑猜.

Lâm uyên phóng câu, thanh tuyệt điểm ai, cự ngao tùy đắc, bất dụng nghi sai.

Vực sâu buông câu, sạch không chút bụi, ngao lớn bắt được, chẳng phải hồ nghi.

237. 無中應有直, 心事還成戚, 雲散月重圓, 千里風帆急.

Vô trung ứng hữu trực, tâm sự hoàn thành thích, vân tán nguyệt trùng viên, thiên lí phong phàm cấp.

Không giữa nên có thẳng, tâm sự lại thành lo, mây tan trăng lại hiện, muôn dặm buồm thuận mau.

238. 造化生來信自然, 帥征千里福綿綿, 功名得就神明助, 蛇兔相逢定變遷.

Tạo hoá sanh lai tín tự nhiên, soái chinh thiên lý phúc miên miên, công danh đắc tựu thần minh trợ, xà thố tương phùng định biến thiên.

Tạo hóa sanh ra tự nhiên có niềm tin, vị tướng đi đánh giặc ngàn dặm được hưởng phúc lâu dài, công danh được thần minh trợ giúp, rắn thỏ gặp nhau sẽ biến chuyển tốt.

239. 大仗神威, 群魔消滅, 滅了又須威, 神威亦極力, 牢牢記取, 免致久後失跌.

Đại trượng thần uy, quần ma tiêu diệt, diệt liễu hựu tu uy, thần uy diệt cực lực, lao lao kí thủ, miễn chí cứu hậu thất trật.

Nhờ đến sức thần, tiêu diệt bầy ma, diệt rồi lại sợ uy, uy thần cũng có sức, trói buộc lại mình, phải lo tính trước, mới khỏi lụy thân.

240. 道必堅心, 堅心必道成, 建功勳, 早回程, 造茅庵, 修真身, 一日飛升, 仙班列名.

Đạo tất kiên tâm, kiên tâm tất đạo thành, kiến công huân, tảo hồi trình, tạo mao am, tu chân thân, nhất nhật phi thăng, tiên ban liệt danh.

Đạo phải do kiên tâm, kiên tâm thì đạo thành, lập công lớn xong rồi, mau mau sớm trở về, cất am tranh, tu chân thân, ngày kia phi thăng, ghi tên sổ Tiên.

241. 一念上天堂, 一念入地獄, 地獄天堂, 便分榮辱, 自立念頭要真, 不可隨人碌碌.

Nhất niệm thượng thiên đường, nhất niệm nhập địa ngục, địa ngục thiên đường, tiện phân vinh nhục, tự lập niệm đầu yếu chân, bất khả tùy nhân lục lục.

Một niệm lên thiên đường, một niệm xuống địa ngục, địa ngục thiên đường, rõ phân vinh nhục, quan trọng khi khởi niệm là phải chân chính cao thượng, đừng bắt chước theo hạng phàm phu tục tử.

242. 羊逸群, 日對民, 逢牛口, 便咬人, 一個君一個臣, 君臣有些驚, 須仗真神拯救蒼生.

Dương dật quần, nhật đối dân, phùng ngưu khẩu, tiện giảo nhân. nhất cá quân nhất cá thần, quân thần hữu ta kinh, tu trượng chân thân, chủng cứu thương sinh.

Dê vui trong bầy, mặt trời đối với dân, gặp mõm trâu, hay cắn người, một vị vua một vị thần, vua tôi có chút sợ, nên nương vào sức thần linh, để cứu giúp chúng sinh.

243. 若是有緣人, 一指便回首, 執迷不悟者, 屢引也不走.

Nhược thị hữu duyên nhân, nhất chỉ tiện hồi thủ, chấp mê bất ngộ giả, lâu dẫn dã bất tẩu.

Nếu là người có duyên, một lần chỉ liền quay đầu, chấp mê không chịu ngộ, thường dẫn chẳng chịu đi.

244. 月兒升東, 清光可挹, 萬里無雲, 海天一碧.

Nguyệt nhi thăng đông, thanh quang khả ấp, vạn lý vô vân, hải thiên nhất bích.
Trăng non lên hướng Đông, ánh sáng xanh rót xuống, muôn dặm không mây, trời biển cùng một màu xanh biếc.

245. 男兒若得封侯印, 不負人間走一遭, 功成身退煙霞嘯傲, 脫卻紫羅袍, 方是男兒道。

Nam nhi nhược đắc phong hầu ấn, bất phụ nhân gian tẩu nhất tao, công thành thân thoái yên hà tiểu ngạo, thoát khước tử la bào, phương thị nam nhi đạo.

Nam nhi đạt được ấn phong hầu, chẳng bỏ công lao khổ bấy lâu, công thành thân thoái vui thú yên hà (khói và ráng mây), cởi bỏ áo bào tía, mới thiệt đạo nam nhi.

246. 心月狐狸, 迷惑世人, 世人不察, 延久傾身。

Tâm nguyệt hồ li, mê hoặc thế nhân, thế nhân bất sát, diên cửu khuynh thân.

Hồ li Tâm Nguyệt, mê hoặc con người, người đời nếu chẳng giết, lâu ngày cũng vì nó mà tiêu tan mình.

247. 驀地狂風起, 大樹盡掀揚, 枝葉未凋零, 培植終無恙。

Mộ địa cuồng phong khởi, đại thụ tận hân dương, chi diệp vị điêu linh, bồi thực chung vô dạng.

Đất rộng khởi cuồng phong, cây lớn chịu lĩnh đủ, cành lá chưa bị rụng, chẳng cần phải vun bón.

248. 虛日旺相, 法要推尋, 四圍旋繞, 對敵冲營。

Hư nhật vượng tướng, pháp yếu thôi tìm, tứ vi tuyền nhiễu, đối địch xung doanh.

Mặt trời rỗng mà tướng vượng, chỗ trọng yếu của pháp phải gắng tìm, bốn bề bị vây nhiễu, phải xung phá kẻ địch mà ra.

249. 榮枯早定莫嗟傷, 辛苦他邦安享家鄉, 為他人作嫁衣裳, 今日君嘗, 他年改調別人嘗。

Vinh khô tảo định mạc ta thương, tân khổ tha bang an hưởng gia hương, vị tha nhân tác giá y thường, kim nhật quân thường, tha niên cải điệu biệt nhân thường.

Đừng than thở chuyện nên hư của cuộc đời, cực khổ ở xứ người thì được an hưởng nơi quê nhà, vì người mà tạo ra y phục, ngày nay anh mặc, ngày sau để người khác mặc.

250. 女兒大, 喜臨門, 嫁良人, 添子孫, 同拜受, 感皇恩。

Nữ nhi đại, hỉ lâm môn, giá lương nhân, thiêm tử tôn, đồng bái thụ, cảm hoàng ân.

Con gái lớn, vui đến nhà, gả người tốt, sinh cháu con, cùng lạy tạ, cảm ơn vua.

251. 木生火, 口不噤, 瘋癲作症, 寒熱相侵。

Mộc sinh hỏa, khẩu bất cấm, phong điên tác chứng, hàn nhiệt tương xâm.

Mộc sinh hỏa, miệng không cấm, bị chứng phong điên, nóng lạnh xâm hại.

252. 休休休, 過了三年又六周, 不猛省, 禍到頭。

Hưu hưu hưu, quá liễu tam niên hựu lục chu, bất mãnh tỉnh, họa đáo đầu.

Thôi thôi thôi, khoảng chừng ba năm rưỡi trở lại đây có hành động xấu, không chịu tỉnh ngộ sửa đổi, tai họa đến.

253. 檻欄起火, 孽畜遭殃, 預防得力, 滅火成康。

Hạ lan khởi hỏa, nghiệt súc tao ương, dự phòng đắc lực, diệt hỏa thành khương.

Căn gác gỗ bị cháy, súc vật gặp nạn, nhờ có dự phòng tốt, dập tắt được lửa thành ra yên.

254. 已遂心頭願, 始知志氣伸, 三山須把握, 頻頻定太平。

Dĩ toại tâm đầu nguyện, thủy tri chí khí thân, tam sơn tu bả ác, tần tần định thái bình.

Đã được toại ý về sự mong ước, mới biết là nhờ chí khí mạnh mẽ mà thành, cần phải nắm chắc ba núi, lớp lớp an hưởng thái bình.

255. 福星照映, 桂子香聞, 滿天星斗, 光耀人。

Phước tinh chiếu ánh, quế tử hương văn, mãn thiên tinh đấu, quang diệu nhân.

Phước tinh chiếu sáng, nghe được mùi thơm cây quế, sao mọc đầy trời, soi sáng mọi người.

256. 東南北將來成故墟, 燕薊地蒼生無存濟, 若要大奮雄心, 水源不知何處

Đông nam bắc tương lai thành cố khư, yên kế địa蒼生 vô tồn tế, nhược yếu đại phấn hùng tâm, thủy nguyên bất tri hà xứ

Ba phía đông, nam, bắc nay mai sẽ thành đồng gò hoang, đất có cỏ kế (dùng làm thuốc) nước Yên không còn sản sinh thuốc để cứu người, nếu không ráng hết sức phấn đấu, nguồn nước chẳng biết ở nơi nào.

257. 死有日, 生有時, 何事慢躊躇, 飄然一往, 心上無疑.

Tử hữu nhật, sanh hữu thời, hà sự mạn trừ trừ, phiêu nhiên nhất vãng, tâm thương vô nghi.

Chết có ngày, sinh có giờ, việc gì phải lo sợ, cứ để mọi việc đến một cách tự nhiên, trong tâm không còn nghi sợ gì.

258. 往來行僻處, 猝然著一驚, 豺狼若當道, 斬滅方稱心.

Vãng lai hành tịch xứ, thốt nhiên trước nhất kinh, sài lang nhược đương đạo, trảm diệt phương xứng tâm.

Đi đến nơi hiểm trở, khiến lòng bỗng nhiên sợ, thú dữ đang đón đầu, giết chết chúng không sợ.

259. 八門分八位, 九星布九方, 青赤黃白黑, 五色卷錦裝, 交鋒對壘, 兩兩相當.

Bát môn phân bát vị, cửu tinh bố cửu phương, thanh xích huỳnh bạch hắc, ngũ sắc quyển cẩm trang, giao phong đối lũy, lưỡng lưỡng tương đương.

Tám cửa chia tám nơi, chín sao bày chín chỗ, xanh đỏ vàng trắng đen, năm sắc bao trại gấm, giao phong đối đầu, hai bên tương đương.

260. 終身不習上, 在世卻枉然, 輪回不能免, 永落深坑塹.

Chung thân bất tập thượng, tại thế卻枉然, luân hồi bất năng miễn, vĩnh lạc thâm khanh tiêm.

Suốt đời chẳng chịu làm việc cao thượng (nghiệp lành), phí uổng một đời, không thoát khỏi sự luân hồi, rơi vào hầm sâu mãi mãi.

261. 兩個子女, 同到齊行, 陰陽和合, 謀作歡欣.

Lưỡng cá tử nữ, đồng đáo tề hành, âm dương hoà hợp, mưu tác hoan hân.

Hai đứa con trai gái, cùng đến đi chung, âm dương hòa hợp, tính toán vui vầy.

262. 中有玄機賦, 雞鳴方顯露, 猛然悟禪關, 打破君門路.

Trung hữu huyền cơ phú, kê minh phương hiển lộ, mãnh nhiên ngộ thiền quan, đả phá quân môn lộ.

Bên trong có huyền cơ, gà gáy thấy rõ đường, bỗng nhiên gặp cửa chùa, đánh phá đường của anh.

263. 數尾金魚吞餌, 絲竿釣了回頭, 家食翻嫌太貴, 五湖四海遨遊.

Số vĩ kim ngư thôn nhĩ, ti can điếu liễu hồi đầu, gia thực phiên hiềm thái quý, ngũ hồ tứ hải ngao du.

Đếm số cá đã ăn mồi, kéo sợi dây câu trở lại, về nhà làm món ăn rất quý, năm hồ bốn biển ngao du.

264. 卯日兒出林, 午時正福臨, 卯生於寅, 方見天心.

Mão nhật nhi xuất lâm, ngọ thời chính phúc lâm, mão sanh ư dần, phương kiến thiên tâm.

Trẻ ngày Mão ra rừng, giờ Ngọ là phúc đến, Mão từ Dần sanh, mới thấy lòng trời.

265. 日中不決, 日到方明, 一場好事, 六耳同成.

Nhật trung bất quyết, nhật đáo phương minh, nhất trường hảo sự, lục nhĩ đồng thành.

Trong ngày chưa quyết định, mặt trời đến thì rõ ràng, một bề việc tốt, sáu tai (ba người) cùng đi.

266. 孤宿是妖星, 猿猴及樹精, 入山遇此曜, 迷了性和心.

Cô tú thị yêu tinh, viên hầu cập thụ tinh, nhập sơn ngộ thử diệu, mê liễu tánh hoà tâm.

Sao lẻ loi chính là yêu tinh, khỉ vượn và yêu tinh của cây, vào núi gặp điều kỳ diệu này, mê mờ giữa tâm và tánh.

267. 滴漏聲催雞唱, 趨行人逐隊放, 晚渡關津, 前程無量.

Trích lậu thanh thôi kê xướng, toản hành nhân trục đội phóng, vãn độ quan tân, tiền trình vô lượng.

Tiếng mưa rơi làm cho gà gáy, giục người đi gom lại thành đoàn, buổi chiều qua bến sông cửa ải, tiền trình không lường được.

268. 人在天涯外, 久乏信音來, 家人頻望眼, 草木暢胸懷.

Nhân tại thiên ngoại, cửu乏信音 lai, gia nhân tần vọng nhãn, thảo mộc sướng hưng hoài.

Người ở ngoài góc trời, đã lâu không có tin tức, người nhà nhiều lần trông ngóng, cây cỏ nằm dài nhớ kỷ niệm.

269. 這顆樹下, 一穴生成, 若遷此土, 福祿駢臻.

Giá khoảnh thụ hạ, nhất huyết sinh thành, nhược diển thử thổ, phúc lộc biên trăn.

Những cái cây này, một lỗ sinh ra, dời đến đất này, phúc lộc ít ỏi.

270. 躬耕隴畝, 形神似勞, 無拘無系, 其樂陶陶.

Cung canh lũng mẩu, hình thần si lao, vô cữu vô hệ, kỳ lạc đào đào.

Ráng cày ruộng sâu, hình dáng mệt mỏi, nếu đừng vướng mắc nhiều, niềm vui sẽ dạt dào.

271. 禍來見鬼, 鬼病淹纏, 金羊得路, 身脫災殃.

Họa lai kiến quỷ, quỷ bệnh yêm triền, kim dương đắc lộ, thân thoát tai ương.

Họa đến thấy quỷ, bệnh quỷ triền miên, dê vàng được đường, thân thoát tai ương.

272. 急起行, 急起行, 前途去, 結同盟, 只手擎天柱, 史冊好標名.

Cấp khởi hành, cấp khởi hành, tiền đồ khứ, kết đồng minh, chỉ thủ kinh thiên trụ, sử sách hảo tiêu danh.

Gấp lên đường, gấp lên đường, đường trước mắt, kết đồng minh, tay đỡ trụ chống trời, sử sách nêu danh tốt.

273. 深山據猛虎, 虎嘯出山窩, 揚威抖擻, 何怕人多.

Thâm sơn cứ mãnh hổ, hổ khiếu xuất sơn oa, dương uy đầu tẩu, hà phạ nhân đa.

Mãnh hổ ở rừng sâu, hổ gầm thành hang núi, uy thế phấn chấn, nào sợ người đông.

274. 三天門, 四地戶, 佈陣成, 明聚路, 軍馬齊奔, 鳴鼓進步.

Tam thiên môn, tứ địa hộ, bố trận thành, minh tụ lộ, quân mã tề奔, minh cổ tiến bộ.

Ba cửa trời, bốn cửa đất, bày thành trận, sáng rực đường, quân và ngựa đồng hợp chạy, trống thúc tiến lên.

275. 山山山, 山上建茅, 不比人間棟宇, 卻如天上雲曇.

Sơn sơn sơn, sơn thượng kiến mâu, bất tỉ nhân gian đồng vũ, khước như thiên thượng vân đàm.

Núi núi núi, trên núi thấy cỏ tranh, chẳng bì với nhà cửa to lớn của người, mà những thứ đó chỉ là mây trùm (mây bùa) trên trời thôi.

276. 來去原無定處, 時來時去安身, 跋涉無慮, 榮辱不計.

Lai khứ nguyên vô định xứ, thời lai thời khứ an thân, bạt thiệp vô lự, vinh nhục bất kế.

Đi lại không nơi nhất định, giờ đi giờ đến an thân, lặn lội không lo, vinh nhục chẳng màng.

277. 有子長, 成水局, 時遇火反發福, 不必過憂煎, 人心苦不足.

Hữu tử trưởng, thành thủy cục, thời ngộ hỏa phản phát phúc, bất tất quá ưu tiễn, nhân tâm khổ bất túc.

Có con lớn, thành thủy cục rồi thì dù gặp hỏa phản lại cũng phát phúc mà thôi, chẳng cần phải lo lắng nhiều, cái khổ con người nói sao cho hết.

278. 黑夜裏, 勿前往, 一有值, 要著慌, 牢牢記, 須結黨.

Hắc dạ lý, vật tiền vãng, nhất hữu trị, yêu trước hoảng, lao lao kí, tu kết đảng.

Trong đêm tối, chớ đi tới, biết điều này, không còn sợ, nếu phải đi, cần có bạn.

279. 螭龍已出世, 頭角首生成, 雲興雨澤, 得濟蒼生.

Chập long dĩ xuất thế, đầu giác thủ sinh thành, vân hưng vũ trạch, đắc tế thương sinh.

Rồng ẩn đã xuất thế, sừng đầu trước đã thành, mây nổi mưa ao đầm, cứu sống được người.

280. 火勢薰天, 天邊盡赤, 遇際水源, 庶乎成格.

Hỏa thế huân thiên, thiên biên tận xích, ngộ tế thủy nguyên, thứ hồ thành cách.

Thế lửa hực trời, chân trời ngút đỏ, may gặp nước nguồn, thì là có cách.

281. 向南有大道, 乘馬入杭城, 不知吳人唱, 更有一知音.

Hướng nam hữu đại đạo, thừa mã nhập hàng thành, bất tri ngô nhân xướng, cánh hữu nhất tri âm.

Về phía Nam có đường lớn, cỡi ngựa vào thành Hàng Châu, chẳng biết người Ngô hát, nhưng lại có tri âm.

282. 有田一畝, 盡可耕耘, 無窮收穫, 都在西成.

Hữu điền nhất mẫu, tận khả canh vân, vô cùng thu hoạch, đô tại tây thành.

Có một mẫu ruộng, hết sức cày cấy, thu hoạch được nhiều, đều ở thành Tây.

283. 勿嫌兒無唇, 疾足追不及, 納入猿穴中, 走狗何處覓.

Vật hiềm nhi vô thần, tật túc truy bất cập, nạp nhập viên huyết trung, tẩu cẩu hà xứ mịch.

Đừng ghét con thiếu môi, chân què đuổi chẳng kịp, nếu vào trong hang vượn, chó biết đâu mà tìm.

284. 六牛耕地, 墾開無疆, 收成結實, 盈稟盈倉.

Lục ngưu canh địa, khẩn khai vô cương, thu thành kết thực, doanh bẫm doanh thương.

Sáu trâu cày đất, mở mang ruộng đất rất nhiều, thu được kết quả, đầy kho đầy vựa.

285. 大奮沖天志, 勿苦戀家鄉, 七八君行早, 揚武在沙場.

Đại phẫn xung thiên chí, vật khổ luyện gia hương, thất bát quân hành tảo, dương vũ tại sa trường.
Gắng sức hoàn thành chí lớn, đừng quá lưu luyện quê hương, bảy tám quân lên đường sớm, biểu dương sức mạnh tại sa trường.

286. 葵花向日, 忠赤傾心, 大開廣廈, 樂享太平.

Quì hoa hướng nhật, trung xích khuynh tâm, đại khai quảng hạ, lạc hưởng thái bình.
Hoa quì hướng mặt trời, lòng trung đỏ cả cõi lòng, mở mang sự nghiệp rộng lớn, vui hưởng cảnh thái bình.

287. 人不識仙, 那有真訣, 一入玄門, 津津有益.

Nhân bất thức tiên, na hữu chân quyết, nhất nhập huyền môn, tân tân hữu ích.
Người chẳng biết Tiên, khi có ẩn quyết chân chính, một lần vào cửa huyền, bến sông nào cũng có ích.

288. 勿謂說話太沈, 泥了就不成真, 悟出千般奧妙, 方識仙道最神.

Vật vị thuyết thoại thái trầm, nê liễu tự bất thành chân, ngộ xuất thiên ban áo diệu, phương thức tiên đạo tối thần.
Đừng bảo lời nói quá thâm trầm, chỉ có bùn thì làm sao thành sự thật, hiểu được sự ảo diệu của thiên ban, mới biết rằng đạo Tiên rất "Thần Diệu".

289. 功名雖多實際, 何如修煉成真, 真身不朽, 萬載長春.

Công danh tuy đa thực tế, hà như tu luyện thành chân, chân thân bất hủ, vạn tải trường xuân.
Công danh thấy nhiều thực tế, sao bằng tu luyện thành chân, thân thật chẳng hư hoại, muôn năm vẫn trường xuân.

290. 走走走, 遇一狗, 急思尋, 可長久.

Tẩu tẩu tẩu, ngộ nhất cẩu, cấp tư tìm, khả trường cửu.
Chạy chạy chạy, gặp con chó, gấp suy nghĩ tìm hiểu, có thể được trường cửu.

291. 不知真消息, 消息驀地來, 月圓月缺夜, 不許把門開.

Bất tri chân tiêu tức, tiêu tức mộ địa lai, nguyệt viên nguyệt khuyết dạ, bất hứa bả môn khai.
Tin thư xác thực biết đâu là, từ chốn xa xăm mới nhận qua, xoay chuyển trăng tròn rồi lại khuyết, chưa nên hứa mở cửa.

292. 火旺處要不疲, 水深處要不呆, 到頭當酌量, 毋得惹他災.

Hoả vượng xứ yếu bất bì, thủy thâm xứ yếu bất ngốc, đáo đầu đương酌 lượng, vô đắc nhạ tha tai.
Chỗ lửa mạnh không thể lao vào, chỗ nước sâu không thể không biết, việc đến phải lo lường tính toán, mới khỏi bị thiệt hại.

293. 賓雁 湖地成陸, 行建功勳早回程, 貪戀終非世人福, 莫教雞鶩會相爭.

Tân nhạn hồ địa thành lục, hành kiến công huân tảo hồi trình, tham luyện chung phi thể nhân phúc, mạc giao kê vự hội tương tranh.
Chim nhạn bay trên mặt hồ, làm xong công việc sớm trở về, nếu cứ tham luyện nó chẳng phải là phúc của con người, như vậy mới tránh được sự tranh dành lẫn nhau giữa gà và vịt trời.

294. 天上風, 天邊月, 月白風清, 兩兩相當.

Thiên thượng phong, thiên biên nguyệt, nguyệt bạch phong thanh, lưỡng lưỡng tương đương.
Gió trên trời, trăng ven trời, trăng thanh gió mát, hai thứ tương đương.

295. 葉歸根, 長立天地, 水清源長流河海, 人得金丹長生淵涯.

Diệp qui căn, trường lập thiên địa, thủy thanh nguyên trường lưu hà hải, nhân đắc kim đan trường sinh uyên nhai.
Lá tốt là nhờ rễ ăn sâu, thông suốt lẽ trời đất, nước trong có nguồn cội dài thì chảy khắp sông hồ biển rộng, người được kim đan thì sống lâu nơi động Tiên.

296. 乘馬去長安, 看花花正發, 一日雨來淋, 香色盡凋零.

Thừa mã khứ trường an, khán hoa, hoa chính phát, nhất nhật vũ lai lâm, hương sắc tận điều linh.
Cỡi ngựa đến Trường An, xem hoa, hoa đang lúc nở, ngày kia mưa rớt xuống, hương sắc phải điều tàn.

297. 木長春天根幹老, 子實三秋枝葉凋, 不凋不謝, 不見根牢.

Mộc trường xuân thiên căn cán lão, tử thực tam thu chi diệp điêu, bất điêu bất tạ, bất kiến căn lao.

Cây lớn trời Xuân rể phải già, trái mọc ba mùa cành lá héo, chẳng héo chẳng rụng, đâu biết đến sự khó nhọc của rể cây.

298. 叫道叫道, 天將明瞭, 何不伸首舒眉, 反做蓬蒿到老.

Khiếu đạo khiếu đạo, thiên tướng minh liệu, hà bất thân thủ thư mi, phản tổ bông hao đáo lão.

Kêu vang tiếng gọi, viên tướng trời liệu định công việc, sao lại co đầu rút cổ mặt mày nhăn nhó, uống phí ngày tháng đến già.

299. 藥餌真, 服了寧, 三劑後, 足分明, 神中神, 清中清, 固得緊, 可長生.

Dược nhĩ chân, phục liễu ninh, tam tể hậu, túc phân minh, thần trung thần, thanh trung thanh, cố đắc khẩn, khả trường sanh.

Thuốc hay quý, uống liền mạnh, sau ba thang, đã rõ ràng, thần trong thần, hay trong hay, vững nhanh chân, được trường sanh.

300. 三天曾結社, 四海盡知名, 長騎駿馬, 直入天庭.

Tam thiên tằng kết xã, tứ hải tận tri danh, trường kỵ tuấn mã, trực nhập thiên đình.

Ba ngày kết bạn, bốn biển đã nghe danh, cỡi bền (lâu) tuấn mã, thẳng đến thiên đình.

301. 閒來夫子處, 偶然遇一人, 童顏鶴髮, 笑裡生春.

Nhàn lai Phu Tử xứ, ngẫu nhiên ngộ nhất nhân, đồng nhan hạc phát, tiếu lí sinh xuân.

Khi nhàn đến nơi Phu Tử (ý nói: đến nhà thầy), may mắn gặp một người, tóc già mà mặt trẻ, nụ cười sinh ra Xuân.

302. 閑雲野鶴望東行, 惟有鄉人便是知音, 經營佈置兩三春, 聯街燈火後, 錦帆前程.

Nhàn vân dã hạc vọng đông hành, duy hữu hương nhân tiện thị tri âm, kinh doanh bố trí lưỡng tam xuân, liên nhai đăng hoả hậu, cẩm phàm tiền trình.

Mây trôi hạc nội hướng Đông bay, chỉ có người làng mới là kẻ tri âm, kinh doanh tổ chức hai ba năm, nắm bắt hết đường đi nước bước, đủ sức giương buồm gấm thẳng xông phía trước.

303. 漢水無情, 蜀水澄清, 黃河滾滾, 四處煙塵.

Hán thủy vô tình, thực thủy trường thanh, huỳnh hà滚滚, tứ xứ yên trần.

Nước sông Hán vô tình, nước của đất Thực rất trong, sông Hoàng chảy xiết, bốn xứ đầy khói bụi.

304. 潛龍已受困, 尚不見雲興, 佇看雲四合, 飛去到天庭.

Tiềm long dĩ thụ khốn, thượng bất kiến vân hưng, trử khan vân tứ hợp, phi khứ đáo thiên đình.

Rồng ẩn nguy nan dưới vực sâu, để đâu nhìn thấy đám mây cao, lâu sau mây bốn phương hợp lại, bay thẳng đến thiên đình.

305. 此處滋味濃, 濃豔不耐久, 何如談笑生風, 倒好東奔西走.

Thử xứ tư vị nồng, nồng diễm bất nại cửu, hà như đàm tiếu sinh phong, đảo hảo đông bôn tây tẩu.

Xứ này có mùi vị nồng, cái đẹp sắc sảo thì không bền, sao bằng cười nói sinh gió (có ảnh hưởng mạnh), khỏi cần phải chạy Đông chạy Tây.

306. 這裏有小人, 切莫稍留停, 忙打點, 好起行, 日月如逝勿久存.

Giá lí hữu tiểu nhân, thiết mạc sáo lưu đình, mang đả điểm, hảo khởi hành, nhật nguyệt như thế vật cửu tồn.

Nơi này có tiểu nhân, đừng gần bó lưu lại, giờ tốt đến, mau lên đường, có nhật nguyệt chứng minh vật còn tồn tại lâu dài.

307. 龍生頭角, 將沛甘霖, 六七八早, 好濟蒼生.

Long sanh đầu giác, tương phái cam lâm, lục thất bát tảo, hảo tể thương sinh.

Rồng sinh sừng trên đầu, sẽ có mưa dầm lớn, sớm là sáu bảy tám ngày nữa, cứu giúp người đời.

308. 太白現西南, 龍蛇相競逐, 龍自飛上天, 蛇卻被刑戮.

Thái Bạch hiện Tây Nam, long xà tương cạnh trục, long tự phi thượng thiên, xà khước bị hình lục.

Sao Thái Bạch hiện ở Tây nam, rồng rắn đánh đuổi nhau, rồng tự bay lên trời, còn rắn bị phanh thây.

309. 曾把樹栽, 也要待春來, 東風嫋嫋, 開遍花街.

Tằng bả thụ tài, dã yếu đãi xuân lai, đông phong niêu niêu, khai biến hoa nhai.

Đã từng trồng cây, biết chờ mùa Xuân đến, gió đông hây hẩy, nở rộ đường hoa.

310. 四十餘年苦已深, 而今汝樂度光陰, 莫籌論, 恩愛尚多歡喜事, 惜甚青春, 不減青春.

Tứ thập dư niên khổ dĩ thâm, nhi kim nhữ lạc độ quang âm, mặc trừ luận, ân ái thượng đa hoan hỉ sự, tích thậm thanh xuân, bất giảm thanh xuân.

Hơn bốn mươi năm khổ đã nhiều, mà nay mới được hưởng ngày vui, đừng lo tính, nhiều năm ân ái vui chung hưởng, tiếc nuối thuở thanh xuân, đâu thể nào níu kéo lại được.

311. 三冬足, 文藝精, 到頭處, 亦成冰, 急急回首, 勿誤前程.

Tam đông túc, văn nghệ tinh, đáo đầu xứ, diệc thành băng, cấp cấp hồi thủ, vật ngộ tiền trình.

Ba mùa Đông vừa đủ, nghề văn đã tinh thông, việc đến lúc sau cùng, bỗng trở thành băng giá, mau hồi đầu tỉnh ngộ, đừng đi tiếp mà lầm lẫn.

312. 奇怪奇怪, 前番來了, 今番又來, 謹慎提防, 勿被弄壞.

Kỳ quái kỳ quái, tiền Phiên lai liễu, kim Phiên hựu lai, cẩn thận đề phòng, vật bị lộng hoại.

Kỳ quái kỳ quái, giặc Phiên trước đến rồi, nay lại giặc Phiên đến, cẩn thận đề phòng, đừng xem thường nó mà nguy hiểm.

313. 耕牛伏, 辟土開疆, 坐看收穫, 黍稷稻粱.

Canh ngưu phục, tích thổ khai cương, tọa khan thu hoạch, thử tắc đạo lương.

Trâu cày nằm, đất vua mở ranh giới, ngồi chờ thu hoạch, lúa nếp lương thực.

314. 腰下佩青萍, 步入金鑾殿, 覆護三山, 千鍾百鍊.

Yêu hạ bội thanh bình, bộ nhập kim loan điện, phúc hộ tam sơn, thiên truy bách liên.

Lưng đeo đai "bèo xanh", bước vào điện Kim Loan, che chở cho ba núi, ngàn cây chùy, trăm dây xích.

315. 雛鳥飛高, 出谷遷喬, 龍神牙爪, 變化海島.

Sồ diểu phi cao, xuất cốc thiên kiều, long thần nha trảo, biến hoá hải đảo.

Chim non bay cao, ra khỏi hang ổ, răng móng long thần, biến hóa hải đảo.

316. 吉吉吉, 尋常一樣窗前月, 凶凶凶, 有了梅花便不同, 含笑向東風, 人情不比舊時濃.

Cát cát cát, tầm thường nhất dạng song tiền nguyệt, hung hung hung, hữu liễu mai hoa tiện bất đồng, hàm tiếu hướng đông phong, nhân tình bất tì cựu thời nồng.

Tốt tốt tốt, một dạng tầm thường, trăng trước cửa sổ, xấu xấu xấu, có những hoa mai không giống nhau, hướng về gió đông mà nở ra (như nụ cười), nhân tình ngày nay không còn nồng hậu như xưa nữa.

317. 大火炎炎, 宜水相濟, 寶鼎丹成, 掀天揭地.

Đại hoả viêm viêm, nghi thủy tương tế, bảo đỉnh đan thành, hân thiên yết địa.

Lửa lớn hừng hực, được nước cứu chữa, giữ vẹn được cái đỉnh, báo cho trời đất biết.

318. 鐵索一條, 未把孤舟系, 金刀一下, 早把頭落地.

Thiết tác nhất điều, vị bả cô châu hệ, kim đao nhất hạ, tảo bả đầu lạc địa.

Một sợi tơ sắt, có thể buộc được chiếc thuyền lẻ, một phen hạ lưỡi đao vàng, có thể làm rơi cái đầu xuống đất.

319. 十二時中, 緊急煉著, 一刻少延, 無處下脚.

Thập nhị thời trung, khẩn cấp luyện trước, nhứt khắc thiểu diên, vô xứ hạ cước.

Mười hai giờ ấy có là bao, hãy gấp dự phòng mưu chước cao, một phút dãn dãn e hiểm hoạ, rồi đây không lối đặt chân vào.

320. 風起西南, 紅日當天, 奇門妙訣, 一掌能著.

Phong khởi Tây nam, hồng nhật đương thiên, kỳ môn diệu quyết, nhất chương năng trước.

Gió khởi hướng Tây nam, mặt trời hồng ở trên trời, có được "diệu quyết" của pháp "Kỳ Môn" rồi, một chương là có thể nắm lấy.

321. 萬籟無聲際, 一月正當空, 忽被雲遮掩, 皓魄反朦朧.

Vạn lại vô thanh tế, nhất nguyệt chính đương không, hốt bị vân giã yểm, hạo phách phản mông lung.

Có miệng mà chẳng mở lời được, mặt trăng đang ở trên không, bỗng bị mây che ám, khiến cho ánh sáng trở thành mờ ảo không rõ.

322. 一個知音, 卻在天邊等, 切勿因循, 靜夜當思省.

Nhất cá tri âm, khước tại thiên biên đẳng, thiết vật nhân tuần, tĩnh dạ đương tư tỉnh.

Một kẻ tri âm, đã từ già ở tận chân trời, chớ để tái phạm, đêm vắng đang mong nhớ ai.

323. 眾犬相聚, 礪齒咬牙, 搖頭擺尾, 只顧看家。

Chúng khuyến tướng tụ, lệ xỉ giao nha, dao đầu bãi vĩ, chỉ cổ khan gia.

Bầy chó tụ lại, nhe răng gặm gừ, đầu múa đuôi vẫy, chỉ để giữ nhà.

324. 妻前夫後一同行, 好比先機兆已明, 君若有情須切記, 十年恩義莫忘心。

Thê tiền phu hậu nhất đồng hành, hảo tỉ tiên cơ triệu dĩ minh, quân nhược hữu tình tu thiết ký, thập niên ân nghĩa mạc vong tâm.

Vợ trước chồng sau cùng lên đường, chiếm được tiên cơ điềm đã sáng, nếu anh có tình nên gắng nhớ, mười năm ân nghĩa chớ tâm quên.

325. 鼠伏穴, 本自寧, 一露首, 貓即跟, 揚威伸爪, 鼠喪殘生。

Thử phục huyệt, bản tự ninh, nhất lộ thủ, miêu tức cân, dương uy thân trào, thử táng tàn sinh.

Chuột nằm dưới hang, vốn tự an ổn, nếu ra khỏi hang, sẽ bị mèo bắt, ra oai giơ móng, chuột chết hết đời.

326. 書中有女顏如玉, 書中自有黃金屋, 讀盡五車書, 志願自能足, 何必焦勞心中忙碌。

Thư trung hữu nữ nhan như ngọc, thư trung tự hữu huỳnh kim ốc, độc tận ngũ xa thư, chí nguyện tự năng túc, hà tất tiêu lao tâm trung mang碌.

Trong sách có gái đẹp như ngọc, trong sách vốn có nhà cửa vàng, học hết năm xe sách, điều mong mọi sẽ đạt được, chẳng cần phải lo lo lắng quanh năm mà không chịu học.

327. 豹變成文采, 乘龍福自臻, 赤身成富貴, 事事得振新。

Báo biến thành văn thái, thừa long phúc tự trần, xích thân thành phú quý, sự sự đắc chấn tân.

Con beo trở thành văn vận, cỡi rồng thì phúc tự đến, thân đỏ thành phú quý, mọi việc được sửa mới.

328. 孤陽微兮, 群陰溢兮, 力既殫兮, 將不可毫兮, 真謹慎兮, 宜可保兮。

Cô dương vi hề, quần âm dật hề, lực kí đàn hề, tương bất khả mao hề, chân cẩn thận hề, nghi khả bảo hề.

Phần dương thì ít ỏi, phần âm thì nhiều, sức đã hết rồi, phải cẩn thận cho lắm, mới có thể giữ được cơ nghiệp.

329. 曉雨初晴映碧溪, 重重春色上柴扉, 黃金不盡家殷富, 何必區區羨錦衣?

Hiếu vũ sơ tình ánh bích Khê, trùng trùng xuân sắc thượng sai phi, huỳnh kim bất tận gia ân phú, hà tất khu khu tiện cảm y?

Mưa sớm vừa tạnh chiếu khe biếc, sắc Xuân tràn ngập vẻ xinh tươi, được hưởng vàng ròng luôn bất tận, sao còn tham vọng đòi áo gấm (quan chức)?

330. 世道多荊棘, 人情每用嗟, 利名如有路, 勤苦逐生涯。

Thế đạo đa kinh cức, nhân tình mỗi dụng ta, lợi danh như hữu lộ, cần khổ trục sinh nhai.

Đường đời nhiều chông gai, tình người hay thay đổi, đang có hoàn cảnh hưởng lợi danh, cứ siêng năng làm việc.

331. 山窮路轉迷, 水急舟難渡, 萬事莫強為, 出處遭研妒。

Sơn cùng lộ chuyển mê, thủy cấp châu nan độ, vạn sự mạc cường vi, xuất xử tao nghiên đồ.

Nơi cùng tận rừng núi, đường sá mờ mịt, nước chảy xiết thuyền khó đi, muôn việc đừng gượng làm, việc nào lại chẳng có người ganh ghét.

332. 時邊多艱, 戰戰兢兢, 戒謹恐懼, 如履薄冰, 須識前程危與險, 一籠風裏一枝燈。

Thời biên đa gian, chiến chiến cằng cằng, giới cẩn khủng cụ, như lí bạc băng, tu thức tiền trình nguy dữ hiểm, nhất lung phong lí nhất chi đăng.

Nhiều lúc gian nan, chiến đấu không ngừng, phải hết sức cẩn thận, như giẫm trên băng mỏng, cần biết con đường trước mặt nhiều nguy hiểm, một lần gió thổi qua đèn bị tắt phải đốt lại.

333. 一朵花枝豔更芳, 清香馥鬱透蘭房, 時風吹送終成笑, 好句筵前進幾觴。

Nhất đoá hoa chi diễm cánh phương, thanh hương phức uất thấu lan phòng, thời phong xuy tống chung thành tiếu, hảo cú diên tiền tiến kỷ thương.

Một đoá hoa xinh đẹp lại thơm, mùi hương lan tỏa khắp phòng loan, gió may thổi đến, mang cười đến, trong tiệc dâng lên chén rượu ngon.

334. 自從持守定, 功在眾人先, 別有非常喜, 隨龍到九天。

Tự tùng trì thủ định, công tại chúng nhân tiên, biệt hữu phi thường hỉ, tùy long đáo cửu thiên.

Từ lúc nằm giữ chắc, công đứng ở hàng đầu, có được vui hết mực, cỡi rồng lên cứu thiên.

335. 遠涉波濤一葉舟, 而今始得過灘頭, 年來心事才成就, 屈指從前多可憂.

Viễn thiệp ba đào nhất diệp châu, nhi kim thủy đắc quá than đầu, niên lai tâm sự tài thành tựu, khuất chỉ từng tiền đa khả ưu.

Thuyền con đã từng vượt biết bao sóng gió, nay được cập bến an toàn, sang năm ước nguyện được thành tựu, bỏ hết những ngày trước khổ lo.

336. 受君之祿, 久降禎祥, 盈而不覆, 守之乃昌, 毋怠毋驕, 永保安康.

Thụ quân chi lộc, cửu giáng trính tường, doanh nhi bất phúc, thủ chi nãi xương, vô đãi vô kiêu, vĩnh bảo an kang.

Được hưởng lộc của vua, ban cho mình lâu ngày, đủ đầy không che lấp, chớ lười đừng kiêu ngạo, giữ mãi mãi yên lành.

337. 萬事不由人計較, 一生儘是命安排, 莫疑猜, 命裏有時總有分, 何須碌碌混塵埃, 休哉.

Vạn sự bất do nhân kế hiệu, nhất sinh tận thị mệnh an bài, mạc nghi sai, mệnh lí hữu thời tổng hữu phận, hà tu lục lục hỗn trần ai, hưu tai.

Muôn việc do người ham tính toán, một đời số mệnh đã an bài, quả chẳng sai, tất cả vận thời của mệnh người, sao còn bươn chải chạy lăng xăng, dừng ngay.

338. 一片憂心未肯休, 花逢春雨豔難留, 得意歸休, 失意歸休, 仙家只此一籌謀.

Nhất phiến ưu tâm vị khả hưu, hoa phùng xuân vũ diễm nan lưu, đắc ý qui hưu, thất ý qui hưu, tiên gia chỉ thử nhất trừ mưu.

Một mảnh tâm lo thôi bỏ đi, hoa gặp mưa Xuân hết đẹp gì, đắc ý cũng lui mà thất ý cũng lui, tiên gia chỉ như vậy mà trừ tính công việc.

339. 兩女一夫, 上下相祛, 陰氣乘陽, 用是耗虛.

Lưỡng nữ nhất phu, thượng hạ tương khứ, âm khí thừa dương, dụng thị hao hư.

Hai gái lấy một chồng, dưới trên đều đuổi đi, khí âm lấn khí dương, dùng nó bị hư hao.

340. 雙燕歸南國, 來尋王謝家, 華堂春盡靜, 進此托生涯.

Song yển qui nam quốc, lai tầm Vương Tạ gia, hoa đường xuân tận tĩnh, tiến thử thác sinh nhai.

Hai con chim én bay về nước Nam, đến tìm nhà họ Vương họ Tạ, nhà đẹp Xuân yên tĩnh, cuộc sống gửi lại đây.

341. 命運蹇兮時違, 災殃及兮身疲, 望皇天兮不我顧, 嗟我親兮病斯危.

Mệnh vận kiến hề thời vi, tai ương cập hề thân bì, vọng Hoàng Thiên hề bất ngã cố, ta ngã thân hề bệnh tư nguy.

Vận xấu đến rồi chịu trái nghịch, tai ương đến phải mệt cho thân, cầu khẩn Hoàng Thiên không hộ trợ, thôi đành nguy hiểm đến thân.

342. 采藥天臺路轉迷, 桃花流水賦佳期, 春風啼鳥多情思, 寄語劉郎且莫歸.

Thái dược thiên đài lộ chuyển mê, đào hoa lưu thủy phú giai kỳ, xuân phong đề diều đa tình tứ, kí ngữ lưu lang thả mặc qui.

Hái thuốc trời xa lạc đường, hoa đào nước chảy hưởng sang giàu, gió Xuân chim hót nhiều tình tứ, gửi tiếng chàng Lưu chớ về.

343. 出溫入寒, 被薄衣單, 去我慈航, 難解橫愆.

Xuất ôn nhập hàn, bị bạc y đơn, khứ ngã từ hàng, nan giải hoạnh khiên.

Ra ấm vào lạnh, chăn đơn áo chiếc, hãy cứu giúp tôi, thoát khỏi nạn tai.

344. 三升三石放在一鬥, 滿而溢, 子自得.

Tam thăng tam thạch phóng tại nhất đấu, mãn nhi dật, tử tự đắc.

Ba thăng (thăng: thăng, mười lạng là một thăng) ba thạch (thạch (tạ), đong thì trăm thăng gọi là một thạch, cân thì một trăm cân là một thạch) chỉ đổ vào cái đấu (cái đấu là cái để đong) nên dư tràn ra ngoài, con tự đắc.

345. 誰說故鄉無滋味, 飄零湖海在天涯, 任咨嗟, 中秋月隱春雨淋花, 多少征人長憶家.

Thùy thuyết cố hương vô tư vị, phiêu linh hồ hải tại thiên nhai, nhậm tư ta, trung thu nguyệt ẩn, xuân vũ lâm hoa, đa thiếu chinh nhân trường ức gia.

Ai bảo rằng quê xưa không có mùi vị, tại sao khi phiêu linh hồ biển đến góc trời lại nhớ cổ hương quay quắt ?, nhất là những ngày Trung Thu không có trăng, mưa phùn lất phất khóm hoa, biết bao nhiêu chinh nhân tha thiết nhớ nhà.

346. 雲散月當空, 牛前馬後逢, 張弓方抵禦, 一箭定全功.

Vân tán nguyệt đương không, ngưu tiền mã hậu phùng, trương cung phương để ngự, nhất tiễn định toàn công.

Mây tan trăng trên trời, trước trâu sau ngựa gặp, giương cung lên phòng ngự, một mũi tên định thành công danh.

347. 馬進徐行似有程, 月沈西海日東升, 運來何必勞心力, 風送江湖萬里清.

Mã tiến từ hàng tự hữu trình, nguyệt trầm tây hải nhật đông thăng, vận lai hà tất lao tâm lực, phong tống giang hồ vạn lý thanh.

Ngựa theo thứ tự bước lên đường, trăng chìm xuống biển Tây, mặt trời lên hướng Đông, khi vận tốt đến khỏi phải hao phí tâm lực, gió đưa sông hồ ngàn dặm trong.

348. 雲橫山際水茫茫, 千里長途望故鄉, 蹇厄事來君莫恨, 倚門惆悵立斜陽.

Vân hoành sơn tế thủy mang mang, thiên lý trường đồ vọng cố hương, kiến ách sự lai quân mạc hận, ý môn trừ trưởng lập tà dương.

Mây ngang đỉnh núi, nước mờ mờ, ngàn dặm đường xa nhớ cố hương, khổ khó phủ vây xin chớ hận, buồn rầu tựa cửa ngóng tà dương.

349. 風波今已息, 舟楫遇安流, 自此功名遂, 何須歎白頭.

Phong ba kim dĩ tức, châu tiếp ngộ an lưu, tự thử công danh toại, hà tu thán bạch đầu.

Sóng gió nay đã yên, thuyền tiếp tục lên đường, từ giờ công danh toại, sao còn than bạc đầu.

350. 巴到平安地, 江山萬里程, 綠楊芳草處, 風快馬蹄輕.

Ba đáo bình an địa, giang sơn vạn lý trình, lục dương phương thảo xứ, phong khoái mã đề khinh.

Đã tới nơi yên lành, núi sông ngàn dặm qua, nơi cỏ thơm dương xanh, gió đưa ngựa phi nhanh.

351. 雕鶚當秋勢轉雄, 乘風分翼到蟾宮, 榮華若問將來事, 先後名聲達九重.

Điêu ngạc đương thu thế chuyển hùng, thừa phong phân dực đáo thiềm cung, vinh hoa nhược vấn tương lai sự, tiên hậu danh thanh đạt cửu trùng.

Con chim điêu và con cá sấu vào mùa Thu chuyển sang thể mạnh bạo, nường gió sải cánh đến thiềm cung (mặt trăng), nếu hỏi việc vinh hoa ở tương lai, trước sau danh thơm tiếng tốt cũng đến tai vua.

352. 鼠為患終宵不得甯, 貓兒一叫幾夜太平, 人豈識如獸, 其理甚分明.

Thử vi hoạn chung tiêu bất đắc nịnh, miêu nhi nhất khiếu kỷ dạ thái bình, nhân khởi thức như thú, kỳ lý thậm phân minh.

Ban đêm chuột khó tránh khỏi tai họa, mèo kêu một tiếng đêm sẽ bình yên, nên biết việc người cũng tương tự việc của loài thú, lẽ ấy quá rõ ràng.

353. 兩人在旁, 太陽在上, 照汝一寸心, 仙機會否明.

Lưỡng nhân tại bàng, thái dương tại thượng, chiếu nhữ nhất thốn tâm, tiên cơ tăng phủ minh.

Hai người hai bên, mặt trời ở trên cao, chiếu tấc lòng của anh, cơ trời từng không sáng.

354. 君子道消, 小人道長, 陰氣鬱鬱, 陽氣不揚, 如何如何, 良賈深藏.

Quân tử đạo tiêu, tiểu nhân đạo trường, âm khí uất uất, dương khí bất dương, như hà như hà, lương cố thâm tàng.

Đạo của quân tử thì nhỏ, đạo của tiểu nhân lại lớn, khí âm u ẩn, khí dương chẳng lên, biết làm sao đây?, cách hay nhất là "chôn sâu che giấu" nó đi.

355. 去到長安, 東北轉角, 逢著天門, 便有下列.

Khứ đáo Trường An, đông bắc chuyển giác, phùng trước thiên môn, tiện hữu hạ lạc.

Đi tới Trường An (kinh đô), đổi hướng về phía Đông Bắc, gặp được cửa trời, liền có sự rơi xuống.

356. 徐步入天臺, 為聽好消息, 采藥有仙童, 洞府列春色.

Từ bộ nhập thiên đài, vi thính hảo tiêu tức, thái dược hữu tiên đồng, động phủ liệt xuân sắc.

Thong thả vào thiên đài, nghe được tin tức tốt, hái thuốc có tiên đồng, trong động phủ đầy sắc Xuân.

357. 思量一夜, 不如打幹一番, 若還錯, 煩惱及肺肝.

Tư lương nhất dạ, bất như đả cán nhất phiên, nhược hoàn thác, phiền não cập phế can.
Suy nghĩ một đêm, không bằng bắt tay vào làm một lần, nếu còn sai sót, phiền não với gan phổi (đem hết sức ra suy nghĩ tính toán).

358. 心細膽粗, 可勝上將之任, 勇往前行成敗何必在心, 胸中把持得定, 敵人自能受困.

Tâm tế đảm thô, khả thắng thượng tướng chi nhiệm, dũng vãng tiền hành thành bại hà tất tại tâm, hung trung bả trì đắc định, địch nhân tự năng thụ khổn.

Tâm nhỏ mặt to, có thể thắng công việc của thượng tướng, mạnh dạn tiến lên việc thành bại nào chỉ do tâm, trong bụng đã nắm giữ sự định đoạt, kẻ địch sẽ tự thua mà thôi.

359. 天念苦修人, 終不落紅塵, 清心能見道, 擾擾喪真靈.

Thiên niệm khổ tu nhân, chung bất lạc hồng trần, thanh tâm năng kiến đạo, nhiễu nhiễu táng chân linh.
Trời biết người khổ tu, rốt ráo không rơi xuống hồng trần, lòng trong trắng có thể thấy đạo, sự phiền nhiễu làm mất chân linh.

360. 捕兇於淵, 求魚於山, 從朝至暮, 功負力捐, 改弦易轍, 庶可圖全.

Bộ huỷ ư uyên, cầu ngư ư sơn, từng triều chí mộ, công phụ lực quyên, cải huyền dị triết, thứ khả đồ toàn.
Bắt tề giác (cái) dưới hang sâu, bắt cá trên núi, từ sáng đến chiều, sức lực mòn mỏi, sửa đổi cách làm, may ra còn hy vọng.

361. 手持一木魚, 沿街去化緣, 不見徐公來, 卻遇一鳥去.

Thủ trì nhất mộc ngư, diên nhai khứ hoá duyên, bất kiến từ công lai, khức ngộ nhất điều khứ.

Tay cầm con cá gỗ (cái mõ), trên đường đi hóa duyên (khất thực), chẳng gặp ông họ Từ đến, chỉ gặp con chim bay.

362. 水火既濟, 陰陽相契, 育物新民, 參天贊地.

Thủy hỏa ký tế, âm dương tương khế, dục vật tân dân, tham thiên tán địa.

Thủy hỏa giao hòa, âm dương khế hợp nhau, muốn đổi mới sự vật, nghiên cứu rõ lẽ trời đất (tự nhiên) mà làm.

363. 騎玉兔, 到廣寒, 遇嫦娥, 將桂攀, 滿身馥鬱, 兩袖馨香.

Kỵ ngọc thố, đáo Quảng Hàn, ngộ Hằng Nga, tương quế phàn, mãn thân phúc uất, lưỡng tộ hình hương.
Cỡi thỏ ngọc, đến cung Quảng Hàn, gặp Hằng Nga, bẻ cành quế, toàn thân sức nức hương thơm, hai tay áo cũng đầy mùi thơm.

364. 一個神道, 隨爾去行, 逢人說法, 到處顯靈.

Nhất cá thần đạo, tùy nhĩ khứ hành, phùng nhân thuyết pháp, đáo xứ hiển linh.

Một pháp thần đạo, tùy anh vận dụng, gặp người thuyết pháp, đến chỗ hiển linh.

365. 爐中火, 沙裏金, 功力到, 丹鼎成.

Lô trung hỏa, sa lí kim, công lực đáo, đan đỉnh thành.

Lửa trong lò, vàng trong cát, công lực đến, lò thuốc linh đan luyện thành.

366. 此去萬里程, 卻遇見知音, 同心共濟, 大立勳名.

Thử khứ vạn lí trình, khức ngộ kiến tri âm, đồng tâm cộng tế, đại lập huân danh.

Chuyển đi này dài muôn dặm, may gặp được tri âm, cùng nhau hợp tác, làm nên việc lớn.

367. 尋芳春日, 適見花開, 朵朵堪摘, 枝枝可栽.

Tầm phương xuân nhật, thích kiến hoa khai, đoá đoá kham trích, chi chi khả tài.

Tìm mùi thơm ngày Xuân, vừa gặp hoa nở, mỗi đoá có thể hái, mỗi cành có thể trồng.

368. 龍一吟, 雲便興, 沖霄直上, 快睹太平, 為文為武, 君君臣臣.

Long nhất ngâm, vân tiện hưng, xung tiêu trực thượng, khoái睹 thái bình, vi văn vi vũ, quân quân thần thần.

Rồng kêu lên, mây liền nổi, bay thẳng lên trời, nhanh thấy thái bình, làm văn làm vũ, vua vua tôi tôi.

369. 虎出金榜, 有勇亦何濟, 怎似山翁, 非富猶有趣.

Hổ xuất kim bảng, hữu dũng ư hà tế, chửn tử sơn ông, phi phú do hữu thú.

Cọp ra khỏi bảng vàng, có sức mạnh cứu giúp mọi việc, nhưng giống như "sơn ông" (ông già ở núi), không làm giàu là do sở thích của ông.

370. 過羊腸, 入康莊, 五陵裘馬, 當思故鄉.

Quá dương trường, nhập khang trang, ngũ lãng cừ mã, đương tư cố hương.

Qua đoạn đường quanh co như ruột dê, đến được trang trại lớn, hưởng mọi thứ tiện nghi, phải nhớ đến quê xưa.

371. 火遭水克, 火滅其光, 水勢滔滔, 源遠流長.

Hoả tao thuỷ khắc, hoả diệt kỳ quang, thuỷ thể thao thao, nguyên viễn lưu trường.

Lửa gặp nước khắc, lửa mất ánh sáng, thể nước ào ào, gốc xa chảy dài.

372. 東閣筵開, 佳客自來, 高歌唱和, 展挹舒懷.

Đông các diên khai, giai khách tự lai, cao ca xướng hoà, triển ấp thư hoài.

Gác Đông mở tiệc, khách quý tự đến, ca hát vui vầy, chơi đùa thoải mái.

373. 世界似清寧, 不知辭已休, 打疊要小心, 須防遭火.

Thế giới tự thanh ninh, bất tri từ dĩ hưu, đả điệp yếu tiểu tâm, tu phòng tao hoả.

Thế giới tự an ổn, chẳng biết làm hay nghỉ, bày ra việc cần cẩn thận, coi chừng bị lửa táp.

374. 跳龍門, 須激浪, 雷電轟轟, 踴躍萬丈.

Khiêu long môn, tu kích lãng, lôi điện oanh oanh, dũng dực vạn trượng.

Nhảy cửa rồng, chống ngăn sóng, sấm điện ầm ầm, vọt cao muôn trượng.

375. 山上有古松, 亭亭沖漢門, 幹老枝更長, 天地生榮久.

Sơn thượng hữu cổ tùng, đình đình xung hán môn, cán lão chi cánh trường, thiên địa sanh vinh cửu.

Trên núi có cây tùng cổ, vút vút chỏi trời cao, thân già nhánh thật dài, trời đất nuôi dưỡng xanh tốt lâu dài.

376. 誹謗言, 勿計論, 到頭來, 數已定, 碌碌浮生, 不如安分.

Phi báng ngôn, vật kế luận, đáo đầu lai, số dĩ định, lục lục phù sinh, bất như an phận.

Lời phi báng xin đừng để ý, việc đáo đầu thiên lý an bài, bôn ba lận đận xưa nay, sao bằng an phận qua ngày tháng trôi.

377. 一頭豬, 可祭天地, 雖喪身, 亦算好處.

Nhất đầu trư, khả tế thiên địa, tuy táng thân, diệc toán hảo xứ.

Một cái đầu heo, cũng có thể cúng tế trời đất, tuy heo mất mạng, mà giúp người được điều tốt.

378. 與其日營營, 何如夜忖忖, 日裏多勞形, 夜間卻安穩.

Dĩ kỳ nhật doanh doanh, hà như dạ thửn thửn, nhật lý đa lao hình, dạ gian khước an ổn.

Cứ theo ban ngày mà lượn qua lượn lại, sao bằng đêm chỉ nằm một chỗ, trong ngày nhiều nhọc mệt cực khổ, lúc ban đêm an ổn chẳng lo sợ.

379. 東風來, 花自開, 大家喝采, 暢飲三杯.

Đông phong lai, hoa tự khai, đại gia hát thái, sướng ẩm tam bôi.

Gió Đông đến, hoa tự nở, mọi người ngăm vẻ đẹp của nó, thích thú uống ba chén rượu.

380. 疏食飲水, 樂在其中, 膏粱美味, 反使心朦.

Sơ tự ẩm thủy, lạc tại kỳ trung, cao lương mỹ vị, phản sử tâm mông.

Ăn cơm hẩm uống nước lã, có niềm vui rồi, cao lương mỹ vị, làm tâm hoang mang chờ đợi.

381. 黃牛辟土, 大力開疆, 西成時候, 谷米盈倉.

Huỳnh ngưu bích thổ, đại lực khai cương, tây thành thời hậu, cốc mễ doanh thương.

Trâu vàng đất vua, sức lớn mở bờ cõi, sau ở phía thành, gạo thóc đầy kho.

382. 蛇可化龍, 頭角將出, 平地一聲雷, 方顯龍蛇力.

Xà khả hoá long, đầu giác tương xuất, bình địa nhất thanh lôi, phương hiển long xà lực.

Rắn có thể hóa rồng, đầu sừng sẽ hiện, đất bằng một tiếng sấm, mới biết sức rắn rồng.

383. 九華山頂, 紫氣騰騰, 異盡一舟, 取去前行.

Cửu Hoa sơn đỉnh, tử khí đằng đằng, dị tận nhất châu, thủ khứ tiền hành.

Đỉnh núi Cửu Hoa, sắc tía bốc lên cao, trùm phủ một chiếc thuyền, nhờ đó đi tới trước.

384. 人非孔顏, 鮮能無過, 過而能改仍復無過, 開花不足憑, 結果方為準, 放開懷抱意欣欣.

Nhân phi Khổng Nhan, tiên năng vô quá, quá nhi năng cải nhưng phúc vô quá, khai hoa bất túc bằng, kết quả phương vi chuẩn, phóng khai hoài bão ý hân hân.

Ta không phải Khổng Nhan (Khổng Tử, Nhan Hời), làm sao không có lỗi, có lỗi biết sửa đổi xem như không có lỗi, hoa nở chẳng đủ nường (nường tựa), có kết quả là tốt, công việc hể làm xong trong tâm luôn vui vẻ.